

CẢNH SÁCH
(NGHĨA CHÚ)

LỜI GIỚI THIỆU

Trong thế gian này có hai con đường, đường đời và đường đạo. Đi theo con đường đời thì xuôi thuận dễ đi, đi theo con đường đạo thì đi ngược dòng mà có nhiều điều trở ngại.

Vì thế nên trên con đường tu hành, cần phải có nhờ Thiện tri thức nhắc bảo.

Nội dung tập Cảnh Sách này chỉ khuyên răn nhắc bảo mọi người sớm lo tu tỉnh, vì thân này do nhân duyên hòa hợp mà có ra, nó vô thường, sớm còn tối mất, giây phút qua đời khác, như sương mùa xuân, như móc ban mai ở đầu ngọn cỏ, lại cũng như chiêm bao, như bóng bọt nước, không có được lâu bền...

Người thật tâm tu hành thường lo sợ lục căn xúc đối với lục trần cảnh, mà phải giữ lục căn cho thanh tịnh. - Thì ở sau tập Cảnh Sách này chư Tổ có dạy: Chỉ mình vô tâm đối với muôn vật thì đâu có ngại gì muôn vật nó trói buộc mình. Con trâu sắt không sợ con sư tử rống hét, in như người gỗ xem con chim vẽ; con chim vẽ thấy người gỗ nó cũng không sợ, vì người

gỗ bản thể nó là vật vô tình. Tâm cảnh như như chỉ là thế, lo chi đạo Giác Ngộ không thành.

Như thế đủ biết rằng, người tu hành muốn chứng thành quả Giác thì thường căn đối với cảnh không còn phân biệt nữa (hiện lượng cảnh).

Soạn dịch giả tập Cảnh Sách này rất có nhiều thiện chí, là có công phu chọn lọc sắp soạn ra từng bài, giải thích rành rõ, làm cho học giả dễ nhận hiểu. Như thế cũng đủ nói lên công đức vô biên của soạn dịch giả.

Tôi rất hoan hỷ xin ghi lên trang đầu vài dòng để tán dương công đức đó, đồng thời giới thiệu với các học giả Phật tử bốn phương tập Cảnh Sách này. Mong cho mọi người được đọc để tìm hiểu sự lợi ích trong đường lối tu hành thật sự.

Cẩn chí

THÍCH THIÊN HÒA

LỜI NÓI ĐẦU

Lời văn Cảnh Sách này, từ xưa các Tổ ở Trung Hoa đã từng liệt nó vào khóa trình tu học của Tăng giới, cho đến cả Việt Nam cũng vậy.

Hiện nay, nó vẫn còn giữ một vai trò quan trọng trong chương trình tu học của Tăng Ni sinh, đủ hiểu giá trị của nó như thế nào rồi.

Tổ Qui Sơn ra đời sau Phật diệt độ khoảng 1.800 năm tức là đã bước vào thời Tượng mạt. Nhân vì Ngài nhìn thấy Tăng đồ lúc bấy giờ đã xao lãng việc tu hành, nên Ngài viết ra lời văn này để cảnh tỉnh, vì thế mới gọi là Cảnh Sách. Còn hai chữ Qui Sơn là do người sau vì lòng tôn kính Ngài mà thêm vào.

Lời văn Cảnh Sách thật là điêu luyện, vừa già dặn vừa chải chuốt, lại vừa lâm ly cảm động, tỏ ra Ngài rất giỏi về văn chương. Mỗi khi đọc lời văn này, chúng ta cảm thấy như Ngài đang ở trước mặt. Nhiều đoạn có thể làm cho người đọc phải rơi nước mắt cảm thương cho Phật pháp suy tàn mà phải cố gắng, tiến tu đạo nghiệp.

Đã hơn mười năm ròng rã hướng dẫn Tăng Ni tại các Phật học viện, tôi từng muốn dịch bộ Cảnh Sách này ra chữ Việt nhưng vì thời giờ không cho phép. Hơn nữa, tôi nhận thấy lời văn của Tổ quá hay mà sức mình thì không theo kịp, nên cứ mãi rụt rè rồi buông viết. Nhưng hoàn cảnh đẩy xô không làm không được vì học chúng hiện nay Hán văn rất kém, nếu đem nguyên bốn chữ Hán ra dạy, khi dạy rồi, học chúng lại trả hết cho thầy. Cuối cùng, tôi phải cố gắng dịch bộ Cảnh Sách này với mục đích là giúp ích cho các Tăng Ni sinh và quý bạn hâm mộ nghiên cứu giáo lý.

Trước khi dịch, tôi có ý định khi dịch ra văn xuôi xong phụ dịch thành văn vần để cho dễ nhớ nhưng tình cờ tôi gặp được bản dịch văn vần của Hòa thượng Bích Liên đăng trong tạp chí Từ Bi Âm, khi đọc qua, tôi nhận thấy Ngài dịch rất sát với nguyên văn chữ Hán, nên tôi bỏ ý định trước, đem nó ngắt ra từng đoạn đặt vào sau mỗi bài mà không làm công việc trùng điệp kia nữa.

Tuy nhiên, bản dịch của Ngài có một vài chữ hơi cổ hiện thời khó hiểu, nên tôi mạn phép đổi lại cho hợp thời hợp cảnh.

Khi tôi chọn bản dịch của Ngài vào đây với hai mục đích:

Một là muốn bảo tồn cái công nghiệp chấn hưng Phật giáo của các bậc Tiên bối khỏi bị vùi lấp trong sự lãng quên.

Hai là để tỏ lòng mến phục của mình.

Trong khi dịch, tôi cố gắng dịch thật sát với nguyên văn để người đọc dễ bề so sánh. Tuy nhiên có một vài câu quá bóng bẩy, quá hàm súc, tôi phải thêm một vài chữ hoặc đổi một vài tiếng cho dễ đọc, nhưng vẫn giữ được nghĩa chánh của nó.

Về cách trình bày thì: Trước là nguyên văn chữ Hán, kế là phần dịch nghĩa, rồi đến phần chú thích từ ngữ, sau đó là đại ý và văn vần, cuối cùng là câu hỏi.

Ở sau bản dịch này, tôi có thêm phần dịch âm chữ Hán của mỗi bài và phụ thêm một bài Sám Qui Mạng của ngài Di Sơn Thiên Sư mà tôi đã dịch ra văn vần theo thể song thất lục bát.

Về nội dung của bản dịch, tôi chỉ dịch nghĩa và chú thích từ ngữ mà không có giải thích chánh văn, nên tôi đặt tên cho nó là CẢNH SÁCH NGHĨA CHÚ.

Mặc dù khi dịch, tôi đã cố gắng hết mức theo sự hiểu của mình, nhưng không sao tránh khỏi được sự vụng về, thiếu sót, cúi mong các bậc Thiện tri thức vì lòng từ bi chỉ giáo cho.

Dịch giả
CẢN CHÍ

BÀI I

I. HÁN TỰ

策形，乃背人那
 警免體，雖為與刹
 師未遺。雖為與刹
 禪，之成。常相不，
 圓身，母共，病夕
 大受父而持，老存
 山繫稟緣扶常朝。
 瀉業。眾大無。世
 夫累假四。期異

II. NGHĨA

Lời cảnh sách của Tổ Qui Sơn Đại Viên Thiên Sư

Xét vì nghiệp buộc thọ thân, chưa khỏi hình lụy, di thể nhờ vào cha mẹ, mượn các duyên chung hợp mà thành; tuy rằng bốn đại nương nhau, nhưng thường chống trái ; vô thường, lão, bệnh chẳng hẹn cùng người, sớm còn tối mất, bỗng chốc đã qua đời khác.

III. CHÚ

Hình lụy : Hình phạt và khổ lụy. Sự khổ sở của phần đoạn sanh tử. Cũng có chỗ viết chữ *Hình* là *hình thể* nên ta cũng có thể giải nghĩa là; sự khổ lụy thuộc về hình hài.

Vô thường : Xưa không mà nay có, tạm có rồi lại không, đây là chỉ cho sát-na không an trụ, tức là tên khác của Tử.

Sát-na : Thời gian rất ngắn. Trong một Đại niệm thì có: 81.000 sát na, trong một sát-na có 900 sanh diệt. Như vậy mỗi một Đại niệm có đến 72.900.000 sanh diệt.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Thân này do nghiệp ràng buộc và nhiều duyên giả hợp thì không thể nào tránh khỏi được khổ quả: sanh, già, bệnh và chết của luật vô thường.

V. VẤN VẤN

*Thầy Đại Viên ở miền Quý Linh,
 Dạy người, làm bài “Cảnh sách vấn”.
 Rằng mang lấy nghiệp làm thân,
 Máy ai cho khỏi mắc chân lụy mình.
 Thọ cha mẹ di hình vẫn phải,
 Mượn các duyên chung lại mới xong.
 Tuy là địa, thủy, hỏa, phong,
 Giúp nhau nhưng cũng thường cùng
 nghịch nhau.
 Con vô thường khi đau khi yếu,
 Máy cùng ai trước hiểu một lời.
 Sớm còn tối mất như chơi
 Trong giây phút đã đổi đời khác ra.*

VI. CÂU HỎI

1. Do nguyên nhân nào thúc đẩy mà con người phải thọ thân? Khi thọ thân, con người phải chịu trực tiếp và gián tiếp những nhân duyên gì?
2. Khi con người không thể vượt ngoài công lệ của nhân duyên thì con người phải chịu những ảnh hưởng như thế nào trong suốt giai đoạn đã thọ thân đó?

*

* *

BÀI II

I. HÁN TỰ

譬 如 ， 春 霜 曉 露 ，
 倏 忽 即 無 。 岸 樹 井 藤
 ， 豈 能 長 久 。 念 念 迅
 速 。 一 剎 那 間 ， 轉 息
 即 是 來 生 。 何 乃 晏 然
 空 過 。

II. NGHĨA

Thí như : sương xuân, móc sớm, chợt có liền không; cây bờ dây giếng nào được lâu dài; niệm niệm qua mau, trong một sát-na dứt hơi tức là đời khác. Cớ sao nữ an nhiên bó khổng!

II. CHÚ

Niệm : Là vọng niệm của tâm sanh diệt của phàm phu. Niệm có Đại niệm và Tiểu niệm. Niệm ở đây tức là Đại niệm. Một Tiểu niệm tức là một sát-na. Theo trong luật Tăng Kỳ thì: Một cái khảy móng tay có 20 cái nháy mắt; một cái nháy mắt có 20 cái niệm (Đại

niệm); Một niệm (Đại niệm) có 90 sát-na (Tiểu niệm). Nói *Niệm Niệm* là chỉ cho niệm trước chưa diệt, niệm sau lại sanh, từng niệm sanh diệt nối nhau không dứt, trạng thái rất nhanh chóng, nếu chẳng có huệ nhãn thì không thể thấy được.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này đem các thí dụ để chỉ rõ cảnh vô thường nhanh chóng để khuyên phải gắng tu đạo nghiệp.

V. VĂN VẤN

*Ví sương lộ vừa sa đâu đó,
Mảnh hình hài thoạt có thoạt không.
Kìa như cây đứng bờ sông,
Nọ dây vành giếng khó trông lâu dài.
Xúc niệm niệm vãng lai quá gấp,
Phắc phắc theo hồi hấp cho mau.
Một trong giây phút bao lâu?
Tắt hơi thì đã kiếp sau đi rồi.
Cớ sao nữ lần hồi lây lất,
An một bề bỏ vất kiếp nay.*

IV. CÂU HỎI

1. Vì sao Tổ Qui Sơn lại ví kiếp sống của con người như cây bờ dây giếng ?
2. Kiếp sống của con người được bao lâu ?
3. Vậy chúng ta phải làm sao để khỏi trải qua một kiếp sống thừa chết ổng ?

BÀI III

I. HÁN TỰ

父 母 不 供 甘 旨 。 六
 身 固 以 棄 離 。 不 能 安
 國 治 邦 。 家 業 頓 捐 繼
 嗣 。 緬 離 鄉 黨 。 剃 髮
 稟 師 。 內 勤 克 念 之 功
 。 外 弘 不 爭 之 德 。 迴
 脫 塵 世 ， 冀 期 出 離 。

II. NGHĨA

Mẹ cha không cung phụng miếng ngon, sáu thân quyết chí xa lìa; chẳng ra trị quốc an bang, gia nghiệp dứt đi chẳng nối, lánh xa làng xóm, cạo tóc theo thầy; trong cố công khắc niệm, ngoài biểu đức lục hòa; vượt ra trần thế, mong kỳ xuất ly.

III. CHÚ

Sáu thân : Sáu bậc bà con gần: cha, mẹ, anh, em, vợ và con.

Trị quốc : Xếp đặt sửa sang việc nước.

An bang : Làm cho quốc gia được yên.

Gia nghiệp : Gia sản và nghề nghiệp.

Lục hòa : Tức là sáu phép hòa kính: 1) Giới hòa đồng tu. 2) Kiến hòa đồng giải. 3) Thân hòa đồng trụ. 4) Lợi hòa đồng quân. 5) Khẩu hòa vô tranh. 6) Ý hòa đồng duyệt.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xuất gia rời bỏ thế tục, rộng tu phước huệ, mong cầu giải thoát.

V. VĂN VẤN

*Mẹ cha ngon ngọt chút gì?
 Cả trong sáu họ cũng thì cách xa.
 Nỗi an nước trị nhà lại vắng,
 Gia nghiệp đã bỏ chẳng nói nơi.
 Tránh làng xóm cũ xa xuôi,
 Cạo đầu rồi lại tìm tòi Sư tông.
 Trong đã dốc gắng công niệm Phật,
 Ngoài lại thêm công đức nhịn người.
 Veo veo xa cách bụi đời,
 Quyết trông cho khỏi cho rồi mới xong.*

VI. CÂU HỎI

1) Người xuất gia nhất định phải thiếu những bốn phận gì ?

2) Vậy chúng ta phải làm sao để bù vào những khuyết điểm đó ?

*

* *

BÀI IV

I. HÁN TỰ

何 乃 纔 登 戒 品 。 便
 言 ， 我 是 比 丘 。 檀 越
 所 須 ， 喫 用 常 住 。 不
 解 忖 思 來 處 ， 謂 言 法
 爾 合 供 。 喫 了 聚 頭 喧
 喧 ， 但 說 人 間 雜 話 。

II. NGHĨA

Thì sao vừa lên giới bậc, bèn xưng ta là Tỳ Kheo, rồi của đàn việt sắm ra, trong thường trụ ăn dùng, chẳng biết nghĩ của ấy từ đâu, lại còn bảo “phép phải như thế”, ăn rồi dùm dầu bàn phiêm, chỉ nói chuyện tạp thế gian.

II. CHÚ

Giới bậc : Có bốn: 1) Ngũ giới. 2) Thập giới. 3) Cụ túc giới. 4) Bồ Tát giới. Ngũ giới và Bồ Tát giới thông

cả tại gia và xuất gia, còn Thập giới và Cụ túc giới thì chỉ hạn cuộc trong hàng xuất gia.

Tỳ Kheo : Là người thọ Cụ túc giới. Tỳ Kheo là tiếng Phạn, có hàm súc ba nghĩa:

1) *Phá ác* : Phá trừ ác nghiệp. Như khi mới đắc giới, do vì Tam yết ma mà phát ra Thiện luật nghi phá trừ Ác luật nghi; lần lần nếu hành giả được thông suốt thì có thể phá trừ được cái ác của Kiến Tư nên gọi là Phá ác.

2) *Bố ma* : Làm cho Ma Vương kinh sợ. Khi người tu hành phá trừ ác nghiệp thì Ma Vương nghĩ rằng: “Người này không những ra khỏi hàng ngũ của ta mà còn truyền đấng giáo hóa bà con của ta khiến cho cung điện trống trơn”, nên sanh tâm lo sợ.

3) *Khất sĩ* : Khất là khát cầu, sĩ là chỉ người thanh nhā. Nghĩa là trong thì tu cái đức thanh nhā, ngoài thì lia thứ cơm tứ tà, sống cuộc đời trong sạch, làm những điều phước, lợi lạc chúng sanh, phá tâm kiêu mạn.

Đàn việt : Đàn là đàn-na, dịch âm của Phạn ngữ, có nghĩa là thí (bố thí); việt là việt độ, là tiếng Hán, có nghĩa là vượt qua. Nghĩa là: Nếu ai có thể làm hạnh bố thí thì đời đời sẽ vượt qua biển khổ bản cùng.

Thường trụ : Có chia làm bốn loại:

1) *Thường trụ thường trụ* : Là Tăng tự, phòng xá, vật dụng, ruộng vườn, hoa quả v.v... vì thể chất hạn cuộc tại chỗ, chẳng thông ở những nơi khác, chỉ được

thọ dụng mà không được chia bán, nên nói trùng lặp hai lần: Thường trụ thường trụ.

2) *Thập phương thường trụ* : Như vật thực cúng dường trong chùa, Tăng thường ăn dùng, thể chất thì thông cả mười phương Tăng, nhưng chỉ hạn cuộc tại chỗ.

Hai loại trên gọi là “Tăng Kỳ vật”. (Tăng Kỳ dịch là chúng. Chúng tức là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni. Tăng Kỳ vật là vật của đại chúng, của chúng Tăng).

3) *Hiện tiền hiện tiền* : Là Tăng hiện tiền được cúng thí vật. Vì chỉ cúng thí cho hiện tiền Tăng ở chỗ này mà không phải Tăng ở chỗ khác, như phẩm vật trai tăng v.v...

4) *Thập phương hiện tiền* : Như trong chúng có một người quá cố, vật dụng của người này khi chưa làm phép Yết ma thì vật ấy thông cả thập phương Tăng, còn khi Yết ma rồi thì thuộc về hiện tiền Tăng.

Hai loại vật sau này là hiện tiền Tăng vật.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Vì ham hố lợi danh làm mất đạo niệm, trái với sơ tâm buổi ban đầu.

V. VĂN VẤN

*Cớ sao mới vào vòng thọ giới,
Đã khoe mình rằng: Sãi Tỳ Kheo.
Mười phương cúng thí bao nhiêu,*

*Cửa trong thường trụ ăn tiêu mặc dầu.
Chẳng biết nghĩa của từ đâu lại,
Dám nói rằng: phép phải cúng dâng.
Ăn rồi chầu óc bưng lừng,
Cùng nhau nói những chuyện trần mà thôi.*

VI. CÂU HỎI

1. Người xuất gia vừa thọ Tỳ Kheo giới vì sao không được khoe mình là Tỳ Kheo ?
2. Người tu hành có được tự do ăn dùng của thường trụ hay không ? Tại sao ?
3. Trước khi ăn cơm và sau khi ăn phải làm gì ? Câu hỏi này nếu đem áp dụng vào đời sống hàng ngày của những đứa trẻ, của các học sinh ngoài đời sẽ được lợi ích gì ?
4. Cửa thường trụ chia làm mấy thứ ?

*

* *

BÀI V

I. HÁN TỰ

然 則 ○ 一 期 趁 樂 ，
 不 知 樂 是 苦 因 ○ 曩 劫
 徇 塵 ， 未 嘗 返 省 ○ 時
 光 淹 沒 歲 月 蹉 跎 ○ 受
 用 殷 繁 ， 施 利 濃 厚 ○
 動 經 年 載 ， 不 擬 棄 離
 ○ 積 聚 滋 多 ， 保 持 幻
 質 ○

II. NGHĨA

Thế thì, một thưở đua vui, chẳng biết vui là nhân khổ; nhiều kiếp theo trần chưa từng phản tỉnh; ngày giờ lặn mất, năm tháng trôi qua, thọ dụng càng nhiều lợi thứ càng đậm; nhiều năm dồn dập chẳng nghĩ bỏ xa; chứa góp thêm nhiều từng tui vóc huyền.

III. CHÚ

Thọ dụng : Hưởng chịu và tiêu dùng ở trong một đời.

Lợi thí : Tài lợi do sự cúng thí, tức là từ sự cúng dường của đàn na thí chủ.

Phản tỉnh : Phản vọng tỉnh chơn, tức là trái với vọng trần, trở về chơn tánh.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Chúng ta đam mê theo tiền tài danh lợi, chỉ biết hưởng thụ để tưng tiu cái thân hư giả mà không biết đó là nhân khổ; bỏ phí thì giờ không lo tu huệ.

V. VĂN VẤN

*Vậy thời muốn cho vui một lúc,
 Chẳng biết vui là gốc khổ sau.
 Kiếp xưa theo những trần lao,
 Kiếp này đã xét chút nào lại đâu?
 Ngày giờ để lu bù lặn mất,
 Năm tháng cam lây lất dần dà,
 Bộn bần tiền của xay xa,
 Mười phương cúng thí lợi ra ê hề,
 Trái mấy lớp năm kia năm nọ,
 Chẳng nghĩ mà quăng bỏ cho xa.
 Cửa tiền thêm chứa nhiều ra,
 Toan đem vóc hoạn giữ mà tưng tiu.*

VI. CÂU HỎI

1. Vui và khổ là hai thái cực nghịch chiều, tại sao ở đây lại nói vui là nhân khổ ?

2. Vậy cái vui nào mới là cái vui chơn thật ?

3. Chúng ta và chư Phật có thể là đồng sanh nhưng

tại sao chúng ta cứ mãi sanh tử mà chư Phật lại được Niết Bàn ?

4. Người xuất gia cứ lo chứa góp tiền của do đàn na cúng thí và cũng chịu xác thân hư huyễn này có trái lời Phật dạy không ? Tại sao ?

*

* *

BÀI VI

I. HÁN TỰ

導 師 有 敕 ， 戒 勗 比
 丘 ； 進 道 嚴 身 ， 三 常
 不 足 。 人 多 於 此 ， 眈
 味 不 休 ， 日 往 月 來 ，
 颯 然 白 首 。 後 學 未 聞
 旨 趣 ， 應 須 博 問 先 知
 ， 將 謂 出 家 ， 貴 求 衣
 食 。

II. NGHĨA

Đạo sư có dạy, khuyên gắng Tỳ Kheo: Nơi đạo
 sửa mình, ba thường chẳng đủ, người nhiều ham
 nó, say mê chẳng dứt, ngày qua tháng tới, phút
 chốc bạc đầu; kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, vậy
 nên phải rộng hỏi bậc tiên tri. E cho sự nghiệp
 xuất gia mang tiếng quý vì cơm áo.

III. CHÚ

Đạo sư : Bực thầy dẫn đường, ở đây chỉ cho Đức Thích Ca Mâu Ni.

Ba thường : Ăn, mặc và ngủ nghỉ.

Chỉ thú : Ý chỉ và thú hướng, con đường tiến đến đạo quả.

Tiên tri : Những bậc hiểu biết trước mình.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này dạy kẻ xuất gia phải gắng chí giữ mình theo đạo, không nên quá ham mê về vật chất để cho ngày tháng lẩn qua.

V. VĂN VẤN

*Xưa Đạo Sư có điều nghiêm sắc,
 Để dạy răn những bậc Tỳ Kheo.
 Nghiêm mình giữ đạo mà theo,
 Rằng: ăn, mặc, ngủ thường nghèo cả ba.
 Đời nhiều kẻ đắm sa vào đó,
 Chẳng khi nào dứt bỏ cho xong.
 Lần lần ngày ruổi tháng dong,
 Phát phơ đầu đã như bông trắng phè.
 Kẻ hậu học chưa nghe lý Phật,
 Phải rộng tìm hỏi bậc Tiên tri.
 Ngõ là cát bước ra đi,
 Ở chùa quý những toan vì áo cơm.*

VI. CÂU HỎI

1. Vì sao đối với ba vấn đề thông thường là: ăn, mặc và ngủ, Đức Phật dạy phải tri túc ? Tri túc có lợi gì trên bước đường tiến tu đạo nghiệp ?

2. Khi chúng ta đã phát tâm xuất gia rồi, phải làm sao để khỏi mang tiếng quý vì cơm áo ?

*

* *

BÀI VII

I. HÁN TỰ

佛先制律，啟創發
 蒙。軌則威儀，淨如
 冰雪。止持作犯，束
 斂初心。微細條章，
 革諸猥弊。毗尼法
 ，曾未叨陪。了義上
 乘，豈能甄別。可惜
 ，一生空過，後悔難
 追；教理未嘗懷，
 玄道無因契悟。

II. NGHĨA

Phật trước chế Luật, mở kẻ sơ mông; quy tắc uy nghi sạch như băng tuyết; “chỉ trì tác phạm” bó buộc tâm đầu; điều chương nhỏ nhít, sửa các tệ tình, nơi pháp tịch Tỳ ni, chưa từng học hỏi, thì chỗ “liễu nghĩa thượng thừa” làm sao phân biệt.

Đáng tiếc, một đời luống qua, sau ăn năn không kịp, giáo lý chưa từng để lòng, chỗ huyền đạo nhân đầu kế ngộ.

III. CHÚ

Sơ mông : Sơ cơ mông muội. Trong chánh văn, câu : “Khải sáng phát mông” tức là “Khải phát sáng mông”. Chữ Sáng có nghĩa là: mới, bắt đầu cũng như nghĩa của chữ Sơ. Câu trên có nghĩa là: “Mở mang cho những kẻ sơ cơ mông muội”. Những kẻ mới bắt đầu vào đạo tập sự tu hành gọi là sơ cơ, nhưng vì chưa chứng Thánh vị nên gọi là mông muội.

Qui tắc : Qui phạm và phép tắc của giới luật.

Uy nghi : Uy nghiêm và nghi biểu. Uy nghiêm khiến cho người nể sợ; Nghi biểu làm cho người kính mến. Uy nghi cũng chính là tác phong đạo đức.

Chỉ trì tác phạm : Chỉ tức là trì giới, Tác tức là phạm giới. Nghĩa là; Dứt ác tức là trì giới, mà làm ác tức là phạm giới.

Sơ tâm : Tâm cầu đạo lúc ban đầu.

Điều chương : Điều tướng nhỏ nhất trong 250 giới. Thường gọi là 3 ngàn uy nghi, 8 muôn tế hạnh.

Tệ tình : Chỉ cho các hoặc tập nhiễm. Đó chính là Tam độc, Thập sử .

Liễu nghĩa : Nghĩa lý rõ ràng thông suốt, tức là chỉ cho Kinh giáo Đại thừa.

Thượng thừa : Chính là Vô Thượng thừa, tức là chỉ cho Phật vị. “Liễu nghĩa thượng thừa là nói: “Kinh giáo của bậc thượng thừa là Kinh giáo liễu nghĩa”.

Huyền đạo : Đạo lý u huyền, vi diệu, tịch diệt, vô tướng. Đây là chỉ cho Tâm Ấn của Phật Tổ. Vì Tâm Ấn ấy không thể dùng lời mà suy diễn được, nên chỉ tạm gọi là huyền đạo.

Khế ngộ : Khế là hợp, Ngộ là ngộ nhập. Là hợp với chơn lý mà ngộ nhập.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói về Giới học trong Tam học. Tam học là Giới, Định và Huệ.

V. VĂN VẤN

*Phật trước đã chế làm Giới luật,
 Vì kẻ khờ ra sức mở mang.
 Uy nghi phép tắc rõ ràng,
 Trong dường như tuyết, sạch dường như băng.
 Làm tức phạm mà ngăn tức giữ,
 Tóm buộc lòng trong thứ ban sơ.*

*Điều chương nhỏ nhỏ như tơ,
Dạy người đổi các thói khờ xưa kia.
Đàn giảng Giới chưa kê chưa dựa,
Nghĩa Thượng thừa khó lựa khó phân.
Tiếc thay một thuở lần cần,
Sau rồi nghĩ lại ăn năn kịp gì?
Kìa lẽ dạy chẳng ghi vào dạ,
Nọ đạo huyền nào đã biết cho.*

VI. CÂU HỎI

1. Vì sao trước tiên Phật lại chế định giới luật?
2. Muốn hiểu rõ được pháp liễu nghĩa thượng thừa thì phải làm sao ?
3. Muốn khế ngộ được huyền đạo thì phải học những gì ?

*

* *

BÀI VIII

I. HÁN TỰ

及至，年高臘長，
 空腹高心；不肯親附
 良朋，惟知倨傲；未
 諳法律，戢斂全無；
 或大語高聲，出言無
 度；不敬上中下坐，
 婆羅門聚會無殊。惋
 鉢作聲，食畢先起；
 去就乖角，僧体全無
 ，起坐忪諸，動他心

念 ○ 不 存 些 些 軌 則 ，
 小 小 威 儀 ， 將 何 束 斂
 後 昆 ， 新 學 無 因 倣 倣
 ○ 纔 相 覺 察 ， 便 言 我
 是 山 僧 ○ 未 聞 佛 教 行
 持 ， 一 向 情 存 粗 糙 ○

II. NGHĨA

Đến chừng tuổi cao tác lớn, bụng rộng lòng kiêu; chẳng chịu gân gũ bạn lạnh, duy biết ngạo mạn; chưa am tường luật pháp, thâm nhiếp toàn không. Lắm lúc to tiếng lớn lời, nói năng vô độ. Chẳng biết kính bậc thượng, trung, hạ tọa, như Bà-la-môn tụ hội khác gì. Bát chén khua vang, ăn rồi dậy trước. Đứng đi trái phép, Tăng thể chẳng còn. Ngồi đứng không yên, động tâm kẻ khác, chẳng còn mảy may quy tắc, mảnh mủng uy nghi, lấy gì thúc liễm đàn em, tân học nương đâu bắt chước. Nếu ai vừa nhắc nhở, liền bảo: “Ta là Sơn Tăng”. Chưa nghe lời Phật dạy để hành trì, nên tánh tình vẫn một bề thô tháo.

III. CHÚ

Am tường : Hiểu biết rõ ràng.

Thâu nhiếp : Do dịch chữ tập liễm ở chánh văn. Chữ TẬP có nghĩa là cấm chỉ; chữ LIỄM có nghĩa là thu lại, góp lại, kết tụ lại. Thâu nhiếp tức là gom giữ lại, gom giữ ba nghiệp trong giới luật, không cho mất.

Thượng, trung, hạ tọa : Là Thượng tọa, Trung tọa và Hạ tọa.

Thượng tọa : Từ 30 tuổi hạ trở lên.

Trung tọa : Từ 10 tuổi hạ trở lên.

Hạ tọa : Từ 5 tuổi hạ trở lên.

Bà-la-môn (Bràmana) : Là một trong bốn chủng tánh ở Ấn Độ. Nói đủ là Bà-la-ha-ma-na. Trung Hoa dịch là Ngoại ý, Tịnh hạnh, Tịnh chí v.v... Là một chủng tộc vưng thờ Đại Phạm Thiên mà tu hành. Những giống người này họ tự cho là họ được sanh ra từ nơi miệng của Phạm Thiên, nên trong bốn giai cấp, họ là trung thắng, do đó, riêng họ tự dùng tên Phạm để tự xưng.

Trong Kinh Phật gọi là Phạm chí cũng là chỉ cho giai cấp này.

Tăng thể : Thể thống của Tăng sĩ, cũng chính là danh dự của đoàn thể Tăng già, gọi là Tăng thể.

Tân học : Người mới vào đạo, mới bắt đầu tu học Phật pháp.

Thúc liễm : Kèm giữ, kiểm soát để dạy dỗ.

Sơn Tăng : Các nhà sư tu ở núi, thường lấy một câu thoại đầu làm căn bản. Ý tự cho người tu thiền chỉ lấy việc “Tức thân thành Phật” mà không cần đến những chi tiết nhỏ nhặt khác.

Hành trì : Giữ theo đó mà tu hành.

Thô tháo : Lý lắc. Tính tình lau chau lóc chóc, thô鄙, nghịch ngợm.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này trách lỗi người xuất gia không lo tu học, nên không biết Giới luật để hành trì và không thể làm mô phạm cho người sau.

V. VĂN VẤN

*Đến khi tuổi lớn tác to,
 Kiêu lòng trống bụng ra trò chi chi ?
 Chẳng nương dựa người Tri thức giỏi,
 Chỉ biết rằng giữ thói kiêu căng.
 Chưa thông pháp luật một phần,
 Lung lẳng nào có giữ thân chút nào ?
 Hoặc nói lớn lại cao hơi tiếng,
 Buông lời ra lỗ miệng không chừng.
 Khinh: cao, giữa, thấp ba từng,
 Khác nào xúm xít như đảng Bà-la,
 Tiếng đĩa chén khua ra thế ấy,
 Ăn vừa xong đứng dậy một mình.*

Tới lui trái phép lỗi tình,
 Xem trong Tăng thể ra hình chi đâu ?
 Khi đứng ngòi lao chao lỏng chổng,
 Phút xui nên người động lòng nghi.
 Chẳng còn phép tắc chút chi,
 Lốp sau hậu học lấy gì nối noi ?
 Xảy có kẻ cùng soi cùng xét,
 Bèn rằng ta vốn thiệt "Sơn Tăng".
 Chưa nghe phép Phật giữ gìn,
 Lòng còn những chuyện hung hăng
 chẳng chừa.

VI. CÂU HỎI

1. Có những người tuy vào chùa đã lâu mà vẫn thiếu tư cách, lễ độ của một ông Thầy, tánh nét thế gian không được hoán cải, là nguyên nhân nào ?
2. Những người như thế có thể hướng dẫn tín đồ, dạy dỗ đạo chúng được không ?
3. Vậy, chúng ta phải làm những gì để có một tác phong tối thiểu trong việc tiếp dẫn hậu lai ?
4. Theo trong đạo thì căn cứ vào đâu để biết cấp bậc lớn nhỏ ?
5. Thượng tọa, Trung tọa và Hạ tọa, mỗi bậc có bao nhiêu tuổi hạ ?

*

* *

BÀI IX

I. HÁN TỰ

如 斯 知 見 ， 蓋 為 初
 心 慵 惰 。 饜 饜 因 循 ，
 荏 苒 人 間 ， 遂 成 踈 野
 。 不 覺 蹶 踵 老 朽 ， 觸
 事 面 牆 ， 後 學 咨 詢 無
 言 接 引 。 縱 有 談 說 ，
 不 涉 典 章 。 或 被 輕 言
 ， 便 責 後 生 無 禮 。 嗔
 心 忿 起 ， 言 語 該 人 。

II. NGHĨA

Tri kiến thế kia, bởi do tâm đầu giải đãi; lợi
 danh ham hố, lần lựa qua ngày; lầy lất theo đời
 trở thành què dốt. Chẳng ngờ già nua lụn cụn,

gặp việc ngõ ngang, kẻ hậu học hỏi thừa không lời dốt dứ; dẫu có luận bàn không nhằm sách vở. Nếu bị khinh khi, bèn trách: “Hậu sanh vô lễ”. Tâm sân nổi dậy, ăn nói lườt người.

III. CHÚ

Tri kiến : Sự thấy biết. Tri kiến thế kia là tri kiến do ác tập mà ra.

Tâm đầu : Tâm ban đầu mới nhập đạo.

Kẻ hậu học : Kẻ theo học đạo sau mình.

Hậu sanh : Người sanh sau mình.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Vì lỗi khi mới vào đạo biếng nhác, do đó mà không thể dạy bảo người sau; giả như có dạy bảo thì không nhằm đạo lý.

V. VĂN VẤN

*Tri kiến thế, vì xưa trẽ nãi,
 Đã tham tài mà lại tham ăn,
 Lây xây trong cõi phong trần,
 Lẽ nào cho khỏi mười phần đại ngu.
 Chẳng dè nổi già nua lụn cùm,
 Gặp việc thì mặt dùm vào phen.
 Những người hậu học hỏi lên,
 Lấy chi dốt dứ cho nên một lời.
 Dẫu có nói, nói chơi qua chuyện,*

*Chẳng nhằm vào trong điển tích chi.
Thế mà hoặc bị khinh khi,
Trách người sao chẳng kính vì tuổi cao.
Lòng nổi giận ào ào đổ nóng,
Mở miệng ra lướt giọng cãi càn.*

VI. CÂU HỎI

1. Tri kiến thế kia là những tri kiến gì? Đoạn văn nào đã nói đến tri kiến đó ?

2. Những người bước chân vào chùa rồi, mặc cho chuỗi ngày đưa đẩy, cứ buông trôi thả lỏng cuộc đời mình, không tu không học để cầu hưởng thượng thì sẽ chịu hậu quả như thế nào ?

*

* *

BÀI X

I. HÁN TỰ

一 朝 臥 疾 在 牀 ， 眾
 苦 縈 心 逼 迫 。 曉 夕 思
 忖 ， 心 裏 徊 惶 。 前 路
 茫 茫 ， 未 知 何 往 。 從
 茲 始 知 悔 過 自 恨 蚤 過 掘 預
 井 修 行 年 晚 多 諸 怖 咎 樟 惶
 臨 穀 穿 霍 飛 ； 識 強 者
 業 如 人 心 債 多 端 重
 先 牽 ， 墜 無 常 殺 鬼 ，
 處 偏 墜 無 常 殺 鬼 ，

念 念 不 停 。 命 不 可 延
 , 時 不 可 待 。 人 天 三
 有 , 應 未 免 之 。 如 是
 受 身 , 非 論 劫 數 。

II. NGHĨA

Một mai ngã bệnh tại giường, các khổ tranh nhau bức ngặt, ngày đêm lo nghĩ, lòng dạ bồi bồi. Đường trước mịt mờ chưa biết về đâu! Từ đây mới biết ăn năn, khát đến đào giếng sao kịp? Hận mình sớm chẳng dự tu, tuổi già sanh nhiều lầm lỗi. Lâm chung chợt đến, lo sợ bàng hoàng. Khác nào: Lưới thủng chim bay, thức tâm theo nghiệp; như người mắc nợ, kẻ mạnh trước đòi, tư lòng nhiều mối, chỗ nặng thì sa, quỷ dữ vô thường, luôn luôn hờn chực. Mạng chẳng kéo dài, giờ không thể đợi. Ba cõi như thiên, vẫn chưa ra khỏi. Thọ thân như vậy, kiếp số không cùng.

III. CHÚ

Dự tu : Dự là lo trước, dự bị; Tu là tu hành. Lo trước việc tu hành.

Thức tâm : Tâm thể của thức, tức là mạng căn, chính là Đệ bát A-lại-da thức hay thần thức.

Ba cõi nhơn thiên : Ba cõi là Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Nói ba cõi đã gồm có Nhơn Thiên, mà nói Nhơn Thiên cũng đã gồm có Ba cõi. Ở đây sở dĩ nói trùng điệp như vậy, là ý muốn nhấn mạnh để cho văn nghĩa lẫn nhau được rõ ràng.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Vì chẳng lo tu học, khi nghiệp quả đến rồi thì cái sự lo sợ và khổ não tranh nhau bức bách.

V. VĂN VẤN

*Một mai đau liệt chiếu giường,
 Biết bao nhiêu khổ buộc ràng ngặt thay !
 Nỗi lo nghĩ đêm ngày máy lớp,
 Trong lòng thêm hồi hộp bấy nhiêu.
 Chín e đường trước quạnh hiu,
 Mù mù chưa biết về theo chốn nào,
 Rày biết hỏi làm sao nên chuyện,
 Đến khát mà đào giếng kịp đâu?
 Giận mình sớm chẳng dự tu,
 Tuổi già chứa để một bầu tội khiên!
 Khi gần chết múa men trợn trạt,
 Con hãi hùng xón xác khổ thay!
 Vừa khi lưới thủng chim bay,
 Khởi đầu thân thức theo rày nghiệp duyên.
 Như người mắc nợ tiền bạc thiếu,*

*Ai mạnh hơn trước níu trước đời;
Mối lòng nhiều chặng khúc nôi,
Chỗ nào trữu nặng chính rồi phải sa.
Cơn vô thường con ma sát quí,
Hối hả theo chẳng nghĩ chút nào.
Tuổi trời há dễ dài sao,
Tháng ngày há dễ lúc nào đợi ai.
Đành chưa hết đọa đày ba cõi,
Kiếp thọ thân nào hỏi ít nhiều.*

VI. CÂU HỎI

1. Do nguyên nhân nào mà người bệnh sắp chết lại sanh ra khổ não, lo âu và hối hận ?
2. Hối hận như vậy có lợi ích gì không ?
3. Đoạn văn này có thể cho chúng ta bài học gì quý giá ?

*

* *

BÀI XI

I. HÁN TỰ

感傷歎訝，哀哉切
 心！豈可緘言，遞相季
 警策。所恨同生像
 ，去聖時遙，佛法生
 疎，人多懈怠；略伸
 管見，以曉後來。若
 不蠲矜，誠難輪迴。

II. NGHĨA

Cảm thương biết bao ! Nỗi niềm bi thiết! Há dám ngậm lời : cùng nhắc nhở nhau.

Hận nỗi, đồng sanh (vào thời) tượng quý, cách Thánh lâu xa, Phật pháp sanh lớn, người nhiều biếng nhác. Lược bày thiện kiến để bảo người sau. Nếu chẳng biết răn chữa, thật khó tránh đường đọa lạc!

III. CHÚ

Cảm thương : Vì cảm xúc ở hoàn cảnh bên ngoài mà sanh ra đau đớn trong lòng.

Tượng quý : Chữ *Quý* nghĩa như chữ *Mạt* là rốt, là cuối, sau *Mạnh* và *Trọng* (tức *Mạnh*, *Trọng* và *Quý*).

Căn cứ theo giáo pháp của Đức Như Lai được truyền bá ở đời mà người ta chia ra làm ba thời kỳ : *Chánh Pháp*, *Tượng Pháp* và *Mạt Pháp*.

- **Chánh pháp** : Sau khi Đức Phật nhập diệt trong khoảng 1.000 năm đầu, người tu hành phần nhiều đều được chứng quả. Nên chữ *Chánh* cũng chính là nghĩa của chữ *Chứng* vậy.

- **Tượng pháp** : Chữ *Tượng* có nghĩa như chữ *Tợ*, nghĩa là sự dạy dỗ, thật hành tương tợ như thời *Chánh Pháp* mà thôi. Sau Phật diệt độ trong khoảng 2.000 năm, người có tu hành theo giáo pháp, nhưng vì không đúng như thời chánh pháp, nên ít được chứng quả.

- **Mạt pháp** : Đức Như Lai diệt độ sau *Chánh Pháp* và *Tượng Pháp*. Khoảng một vạn năm, người tuy có bảm thọ giáo pháp, nhưng không thể tu hành chứng quả. Có chỗ nói: *Mạt Pháp* sau *Chánh Pháp* và *Tượng Pháp* đến ba vạn năm.

Ngài *Qui Sơn* ra đời vào thời đại nhà Đường, cách Đức Như Lai diệt độ khoảng 1.800 năm, nên gọi là *Tượng Quý*.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Tổ Qui Sơn thấy sự vô thường sanh tử thật khổ sở, phát khởi lòng thương cảm mà nhắc nhở mọi người cố gắng tiến tu để mong cầu đạo giải thoát.

V. VĂN VÂN

*Dám thương than thở mấy điều,
Tắc lòng bi thiết chín chiều quặng đau.
Lời răn gắng lẽ đâu đây miệng,
Thay cùng nhau dạy chuyện tu hành.
Riêng hờn tượng quý đồng sanh,
Kể từ đời Phật đến mình cách xa.
Phật pháp đã hóa ra thưa thớt,
Ai nấy đều giao giọt lòng tu.
Dem chỗ thấy hiểu người sau,
Bằng không chừa bỏ khó hầu kéo lên.*

VI. CÂU HỎI

1. Câu : “Hận nỗi đồng sanh tượng quý”, thế nào là “Tượng quý ?”
2. Tổ Qui Sơn sanh sau Đức Phật khoảng bao nhiêu năm ?
3. Chúng sanh trong thời kỳ Tượng quý như thế nào khiến Tổ Qui Sơn phải than thở ?
4. Chúng ta ra đời đã vào thời mạt pháp được bao nhiêu năm ? Như vậy có còn hy vọng tu hành chứng quả được không ?

BÀI XII

I. HÁN TỰ

夫出家者，發足超
 方，心形異俗，紹隆
 聖種震攝魔軍，用報
 四恩，拔濟三有。若
 不如此，濫廁僧倫，
 言行荒疎，虛霑信施
 。昔年行處，寸步不
 移，恍惚一生，將何
 憑恃。

II. NGHĨA

Gẫm kẻ xuất gia, bước đi siêu việt; tâm, hình khác tục, nổi hưng giống Thánh, khiếp phục ma quân, để đền đáp bốn ơn, cùng cứu giúp ba cõi.

Nếu không như thế, lộn núp lốt thầy; ngôn hạnh sỗ sàng, ăn lương tín thí, lâu năm đường cũ, tắc bước chẳng dời, măn kiếp lưng khùng, lấy đầu nương tựa.

III. CHÚ

Khiếp phục : Làm cho run sợ mà phục tùng theo.

Bốn ơn : Ôn quốc gia, ơn cha mẹ, ơn thầy bạn và ơn đàn việt.

Ba cõi : Dục hữu, Sắc hữu và Vô Sắc hữu. Trong đây nói ba cõi tức là chỉ cho tất cả chúng sanh.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này : Tổ Qui Sơn dạy người xuất gia phải lập hạnh cho cao và phải nên cố gắng theo chỗ lập hạnh đó mà làm.

V. VĂN VẤN

*Vả xuất thế bậc trên vượt khỏi,
Thân tâm này khác thói nhân gian.
Nói thêm giống Phật bộn bàn,
Uy thần chống xếp muôn ngàn ma quân.
Ngõ trả đặng bốn ơn đầu đội,
Lại cứu xong ba cõi công thành.
Bằng không như vậy tu hành,
Chen vào Tăng chúng dơ tanh đám thầy!*

*Nét ngôn hạnh hòa ngậy hòa vụng,
Luống tiêu hao của cúng thí người,
Chỗ đi nửa bước chẳng đời,
Một đời lơ lảo sau thời nương đâu?*

VI. CÂU HỎI

1. Người xuất gia phải có một ý chí như thế nào mới xứng đáng ?

2. Nếu không giữ đúng với lập trường của người xuất gia thì kẻ ấy là gì ?

*

* *

BÀI XIII

I. HÁN TỰ

況 乃 ， 堂 堂 僧 相 ，
 容 貌 可 觀 ， 皆 是 宿 植
 善 根 ， 感 斯 異 報 。 便
 擬 端 然 拱 手 ， 不 貴 寸
 陰 ， 事 業 不 勤 ， 功 果 生
 無 因 克 就 。 豈 可 一 生
 空 過 ， 抑 亦 來 業 無 禪
 〇

II. NGHĨA

Huống nữa, đường đường Tăng tướng, dung mạo đoan trang đều nhờ thiện căn đời trước cảm sanh dị báo hiện thời; sao lại khoanh tay ngồi đứng, chẳng tiếc tác chiêu. Sự nghiệp không chuyên cần, công quả nhưn dâu khắc tỵ, nỡ để một đời trôi qua, không giúp gì hạnh nghiệp đời sau.

III. CHÚ

Tăng tướng : Tướng mạo của một ông Tăng. Tướng mạo của một Tăng sĩ cần phải được đoan chánh, trang nghiêm, nhưng không tỏ vẻ kiêu kỳ, lập dị mà phải rõ ràng như dung nghi của Phật.

Di báo : Quả báo khác lạ. Vì quả báo này do nhiều đời trước đã gieo trồng nham lành, nên đời này cảm được quả báo khác.

Sự nghiệp : Công việc của mình phải làm. Sự nghiệp ở đây tức là chỉ cho Giới, Định và Huệ, các hạnh lành của người xuất gia bắt buộc phải theo.

Khắc tỵ : Chắc chắn được thành tựu.

Hạnh nghiệp : Công việc làm ra do thân, khẩu và ý, tức là cái nghiệp thiện ác gây ra có thể cảm sanh ra quả báo khổ, vui.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Hiện nay được tướng mạo đoan trang của một Tăng sĩ là nhờ thiện duyên đời trước thì phải cố gắng lo vun trồng quả sau để nhờ cậy.

V. VĂN VẤN

Hướng chi lại đẹp màu Tăng tướng,

Sồ sộ xem hình tượng dễ coi.

Bởi vì kiếp trước tu rồi,

Thiện căn nay mới nảy chồi tốt tươi.

Sao làm bộ ra người đã lâu,

*Vững khoanh tay chẳng bấu tấc chiều ?
Chẳng lo đạo nghiệp mọi điều,
Muốn thành công quả ít nhiều dặng đâu ?
Một kiếp này ví dầu bỏ vãng,
Nửa kiếp sau cũng chẳng nhờ chi.*

VI. CÂU HỎI

1. Chúng ta sanh ra ở đời mà được xuất gia tu hành là nhờ ở nhân duyên nào ?
2. Người xuất gia lấy gì làm chung thân sự nghiệp ?

*

* *

BÀI XIV

I. HÁN TỰ

辭親決志披緇，意思
 欲等超何所。曉夕思
 忖，豈可遷延過時。○
 心期佛法棟梁，用作
 後來龜鏡，常以如此
 ，未能少分相應。○出
 言，須涉於典章；譚
 說，乃傍於稽古，形
 儀挺特，意氣高閒。○

II. NGHĨA

Từ thân quyết chí mang Y. Ý muốn vượt lên những bậc... ? Sớm chiều lo nghĩ, há để thiên diên ngày tháng. Tâm khắc kỳ đóng lương Phật pháp ; cốt để làm quy cảnh hậu lai. Thường cho như thế, chưa đủ đôi phần tương xứng, muốn cho hình nghi chững chạc, ý khí cao nhân: Nói năng, phải hợp với điển chương; luận bàn, cần noi theo Cổ đức.

III. CHÚ

Thiên diên : Dằng dai ra không chịu tiến tới.

Khắc kỳ : Thời kỳ ước hẹn rất gắt gao. Nghĩa là khi ra làm một công việc, ước định một thời kỳ nào đó phải cho rồi và nhất định phải đi đến kết quả.

Đóng lương : *Đóng* là đòn dông ; *lương* là sườn. Chỉ cho người có tài đức làm nên việc lớn, lợi ích cho mọi người.

Qui cảnh : *Qui* là cái mu rùa, dùng nó để bói mà biết được việc quá khứ, vị lai ; *cảnh* là cái gương dùng nó có thể soi mà biết được việc tốt, xấu hiện tại. Nên hai chữ quy cảnh có nghĩa là mô phạm, sư phạm hay gương mẫu.

Hậu lai : Cũng như chữ tương lai. Ở đây là chỉ cho những người học đạo nối theo sau mình.

Hình nghi : Hình tướng và dung nghi.

Chũng chạc : Trầm tĩnh, đứng đắn.

Ý khí : Khí khái. Một thứ tinh thần chất chứa ở trong lòng, không thể bị ngoại cảnh làm lay chuyển được.

Cao nhàn : Cao kỳ và nhàn nhã. Trong luân bát nhã, tâm nhàn một cảnh; lợi, danh, thanh, sắc không động được chí mình, thường yên bề theo đạo, gọi là “ý khí cao nhàn”.

Diễn chương : Sách vở.

Cổ đức : Những bậc có đức hạnh thời xưa.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Tinh thần cầu học của người xuất gia và phải dốc chí mong chứng quả giải thoát để làm đồng lương cho Phật pháp và quy cảnh cho muôn đời.

V. VĂN VÂN

*Từ thân quyết chí mang Y,
 Trong lòng muốn bước bậc gì cao xa?
 Khi sớm tối nghĩ ra cho chín,
 Luống qua ngày đủng đỉnh sao xong.
 Thê làm rường cột Cửa không,
 Với làm Qui cảnh cho dòng hậu lai.
 Lòng dẫu đặng hoài hoài như ấy,
 Còn chưa hay chút thí in nhau.*

*Nói năng lấy phép làm đầu,
Chuyện trò cũng phải rộng câu đạo xưa.
Hình nghiêm nghị đã vừa khuôn phép.
Lòng ung dung lại hiệp nét na.*

VI. CÂU HỎI

1. Người từ giã cha mẹ quyết chí xuất gia thì họ đã nuôi sẵn một ý chí như thế nào ?
2. Nếu không làm đúng theo ý chí đó có đáng được gọi là hảo tâm xuất gia không ?
3. Muốn trở thành một con người mẫu mực, nghi biểu khác thường thì phải làm cách nào ?
4. Con người mẫu mực, nghi biểu khác thường có phải là con người lập dị không ?

*

* *

BÀI XV

I. HÁN TỰ

數必未父親行潤知目一。心
 ，止於者。中有惡即，復銘
 朋住聞我友露時長。淪不不
 良。時生朋霧時，惡沈劫豈
 假目時：者如衣者造後萬。
 要耳。云我，濕惡夕歿，耳
 行於伴故成者不習曉，身逆
 遠清擇。善雖狎。報人言
 數須聞母附。見交失忠

者哉！便能澡心育德
 ○ 晦跡韜名 ○ 蘊素精
 神 ○ 喧囂止絕 ○

II. NGHĨA

Đi xa phải nhờ bạn tốt, luôn luôn gạn những điều mắt thấy tai nghe, lưu trú rất cần chọn bạn, thường thường muốn được nghe những chỗ chưa nghe, nên có câu: “Sanh ra ta ấy là mẹ cha ; thành cho ta ấy là bè bạn”. Gần gũi bạn lành như đi trong sương lộ, tuy không ướt áo mà thường thường thấm lạnh; quen thân kẻ ác, tri kiến ác lớn dần, ngày đêm tạo ác gieo báo nhân tiên (hiện báo), chết rồi còn phải trầm luân (sinh báo), một khi đã mất thân người, muôn kiếp khó mà gặp lại.

Lời ngay trái tai, há không tạc dạ hay sao ?

Lại nên, rửa lòng nuôi đức, ẩn tích mai danh ; tịnh dưỡng tinh thần, nhiều phiền sẽ dứt.

III. CHÚ

Sương lộ : *Sương* là hơi nước đóng trên mặt đất, gặp lạnh kết thành những hạt nhỏ gọi là sương ; *lộ* cũng là một thứ như sương, nhưng đã đóng thành hạt. *Sương lộ* là dụ cho bạn lành.

Trầm luân : Chìm đắm trôi lăn vào biển khổ, chỉ cho sự sanh tử luân hồi.

Ăn tích : Ăn mình không cho người tìm ra tông tích để khỏi sự bận rộn.

Mai danh : Chôn vùi tên tuổi, chỉ cho các bậc ẩn sĩ, vì họ không muốn cho ai phiền nhiễu đến.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Kẻ tu hành, khi du phương cầu học phải nên chọn kết bạn lành để cùng nhau sách tấn trên con đường tu học.

V. VĂN VẤN

*Nương người bạn tốt đi xa,
 Thường thường gạn lọc mắt và lỗ tai,
 Ở lưa bạn hôm, mai, khuya tỏ,
 Thường thường nghe đặng chỗ chưa nghe.
 Vậy nên lời có răn dè:
 “Mẹ cha sanh dưỡng, bạn bè mở mang”.
 Nương người lành như sương tuyết ráo,
 Đi vào trong thắm áo luôn luôn.
 Quen chơi những đứa hôn cuồng,
 Kiến tri thêm ác, ra tuồng oan hung!
 Sớm tối những toan lòng làm quấy,
 Ác báo đem cho thấy nhơn tiên.
 Chết rồi đấm xuống mê xuyên,
 Thân người đã mất sau liền mất luôn.
 Lời nói thẳng ắt buồn tai nạn,*

*Song phải ghi lời đó vào trong.
Thời hay nuôi đức sửa lòng,
Tích thời đã giấu, danh cùng phải chôn.
Tinh thần nọ chứa đôn trong trắng,
Ồn ào kia tắt ngấm còn đâu.*

VI. CÂU HỎI

1. Tại sao Tổ Qui Sơn dạy khi muốn du phương học đạo phải nhờ bạn tốt ?
2. Những người quen thân kẻ ác sẽ bị tai hại như thế nào ?
3. Những người chê ta mà chê đúng, ta có nên sanh tâm oán hận không ?

*

* *

BÀI XVI

I. HÁN TỰ

頓玄擇博。須頓階十。
 道心契決。源善切。中出界。
 學要真近妙。可是三界。
 禪門精悟親。得其心。便破。
 參之機啟，難用。因此。
 欲方便研，奧先宗細正。有。
 若方津深問此子悟漸五。

II. NGHĨA

Nếu muốn tham thiên học đạo, pháp môn vượt ngoài phương tiện ; tâm hợp với huyền tâm, xét lòng cho cùng tột; quyết trạch nơi sâu nhiệm, tỏ ngộ được nguồn chơn, thì ta phải rộng hỏi bậc tiên tri, gần gũi người bạn tốt. Tôn này khó đạt chỗ thâm diệu, phải nên chín chắn dụng tâm, trong đó, mới mong đón ngộ chánh nhơn, cũng là xuất trần tiệm thứ. Ấy mới phá được ba cõi hăm lăm hữu.

III. CHÚ

Tham thiên : Tham nhập thiên chỉ, tức là dự vào khảo cứu ý chỉ của thiên.

Học đạo : Học vô thượng chi đạo, tức học cái đạo vô thượng, *tham thiên học đạo* có thể nói là *tham học thiên đạo*, có nghĩa là tham học đạo thiên.

Phương tiện : Phương pháp tiện lợi, tức là phương pháp tạm thời không phải là cứu cánh.

Huyền tâm : Bến huyền, tức là chỗ chí đạo.

Đón ngộ : Giác ngộ không theo thứ lớp, như trường hợp Ngài Quan Âm.

Chánh nhơn : Nguyên nhân chơn chánh, tức là chỉ cho nguồn chơn ở trước.

Xuất trần tiệm thứ : Ra khỏi trần lụy lần lần theo thứ lớp, tức là lần lượt ra khỏi Tam giới.

Hăm lăm hữu : Tức Tam giới có chia ra làm 25 cõi. Vì 25 cõi này đều có sanh tử, nên gọi là hữu. Hai mươi lăm hữu là :

Tứ châu, có	4
Tứ ác thú, có	4
Lục dục, có	6
Phạm Thiên, có	1
Tứ thiên, có	4
Tứ không, có	4
Vô tướng, có	1
Bất hoàn, có	1
Tổng cộng :	25 hữu

Có bài tụng tóm tắt:

*“Tứ châu, tứ ác thú
Lục dục, tình Phạm Thiên
Tứ thiên, tứ không xứ
Vô tướng cập Bất hoàn”.*

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này Tổ Qui Sơn đưa ra pháp môn tu hành: pháp tham thiền, và khuyên phải nên hỏi thầy gần bạn, dùng tâm chín chắn trong lúc tu trì chắc chắn sẽ được lần lần thoát ly Tam giới...

V. VĂN VẤN

*Tham thiền muốn học đạo mau;
Siêu môn phương tiện cho mau, kẻo là.*

Lòng hiệp với sâu xa biển thẳm,
 Xét nẻo lòng thêm lắm công phu.
 Lựa ra chắc chắn lẽ mâu,
 Nguồn chơn mở tỏ, đáy sâu cho cùng.
 Rộng hỏi kẻ trước thông Kinh tạng,
 Năng dựa kẻ những bạn thanh tu.
 Tôn này khó đặng chỗ mâu,
 Phải lo chín chắn xét cầu lòng ta.
 Hễ mau đặng tỏ ra chơn tánh,
 Bước siêu phàm nhập thánh chẳng sai.
 Phá ba cõi hãm lăm loài.

VI. CÂU HỎI

1. Nếu muốn học pháp môn tham thiền là pháp môn vượt ngoài các phương tiện thì trước nhất ta phải làm sao ?

2. Theo đoạn văn này dạy phải rộng hỏi bậc tiên tri, gần gũi người bạn tốt với mục đích gì? Bạn tốt là những hạng người nào ?

3. Ba cõi hai mươi lăm hữu là gì ? Có khác nhau không ?

*

* *

BÀI XVII

I. HÁN TỰ

內 外 諸 法 ， 盡 知 不
 實 。 從 心 變 起 ， 悉 是
 假 名 ， 不 用 將 心 湊 泊
 ， 但 情 不 附 物 ， 物 豈
 礙 人 。 任 他 法 性 周 流
 ， 莫 斷 莫 續 。 聞 聲 見
 色 ， 蓋 是 尋 常 。 這 邊
 那 邊 ， 應 用 不 闕 。

II. NGHĨA

Các pháp trong ngoài, biết cùng chẳng thật; từ tâm hiện khởi, đều chỉ giả danh, chớ nên đem tâm ghé tưởng. Nếu tình không vướng vật, vật há ngại người, mặc cho Pháp tánh châu lưu, chẳng thêm

chẳng bớt; thấy nghe thính, sắc cũng chỉ tâm thường. Nào sự nào lý ứng dụng không cùng.

III. CHÚ

Các pháp trong ngoài : Chỉ cho Ngũ uẩn. Trong là chỉ cho bốn uẩn; Thọ, Tưởng, Hành, Thức thuộc về *Nội tâm*, ngoài chỉ cho *Sắc uẩn*, thuộc về *Ngoại thân*. Vì có đến năm uẩn, nên gọi là *các pháp*.

Pháp tánh : Tức là vật cảnh. Ở trong loài hữu tình thì gọi là Phật tánh; ở trong loài vô tình thì gọi là *pháp tánh*. Xưa nay tự thể vốn thường thanh tịnh, vắng lặng như hư không, khắp cùng sa giới.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Phải quán các pháp đều là hư giả, thì sẽ được giải thoát mọi sự triền phược: tâm tánh rỗng rang diệu dụng vô cùng.

V. VĂN VẤN

*Thầy tường các pháp trong ngoài có chi.
 Theo lòng tạm, một khi phân biệt,
 Đặt làm tên, vốn thiệt là không.
 Chớ đem lòng dạ dính cùng,
 Tình không nương vật, vật không ngại người.
 Mặc pháp tánh chảy vơi vơi khắp,
 Chớ dứt ra, chớ chấp thêm vào.
 Sắc thính là giống tâm phào,
 Bên này bên nọ dùng sao cũng vừa.*

VI. CÂU HỎI

1. Các pháp trong ngoài là những pháp gì ?
2. Tại sao các pháp chỉ có giả danh mà không có thật thể ?
3. Câu: “Mặc cho Pháp tánh châu lưu chẳng thêm chẳng bớt” ý nghĩa như thế nào? Thế nào gọi là Pháp tánh ?
4. Hãy giải thích câu : “Nào sự nào lý ứng dụng không cùng” xem sao ?

*

* *

BÀI XVIII

I. HÁN TỰ

如 斯 行 止 ， 實 不 枉
 披 法 服 。 亦 乃 酬 報 四
 恩 ， 拔 濟 三 有 。 生 生
 若 能 不 退 ， 佛 階 決 定
 可 期 。 往 來 三 界 之 賓
 ， 出 沒 為 他 作 則 ， 此
 之 一 學 ， 最 妙 最 玄 ，
 但 辨 肯 心 ， 必 不 相 賺
 。

II. NGHĨA

Hành chỉ như thế, thật không uổng mang
 Pháp phục; cũng là thù đáp bốn ơn cứu vớt ba cõi.
 Đời đời nếu không lui sụt, thêm Phật chắc chắn
 định kỳ; qua lại làm người khách trong tam giới,
 ra vào làm quy tắc cho mọi người. Một môn học

này, rất diệu rất huyền, chỉ phải gắng sức bền lòng, quyết không bao giờ hư dối.

III. CHÚ

Hành chỉ : Phẩm hạnh. Cũng có nghĩa: ra làm và không ra làm.

Pháp phục : Tức Pháp y. Tiếng Phạn gọi là Ca-sa. Trung Hoa dịch là Hoại sắc. Vì ba đời các Đức Như Lai đồng mặc y này nên gọi là Pháp phục. Vì người mặc Y này sẽ được thoát ly phiền não, nên cũng gọi là Y Trần Phục; Loài rồng chỉ được mỗi một cái rêu mà khỏi bị chim Đại bàng ăn, nên cũng gọi là *Cửu long y*. Lại còn có những tên là: Nhẫn nhục khải, Liên Hoa phục hay Phước điền y.

Thù đáp : Đền trả, báo đáp.

Rất diệu rất huyền : *Diệu* là thâm diệu, không thể nói hết ; *huyền* là u huyền, không thể thấy suốt.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này : Khen ngợi hạnh nguyện của người xuất gia, để khuyên ai nấy đều lo gắng công tiến trên con đường đi đến quả Phật.

V. VĂN VÂN

*Tu như vậy đã thừa đạo lực,
Mang Pháp y đáng bậc cao Tăng.
Cũng là đền trả bốn ân,*

Giúp trong ba cõi Thiên nhân mấy loài.
 Kiếp kiếp dựng vậy hoài chẳng thối,
 Thêm Phật đầu khó nổi trèo cao.
 Đạo chơi Tam giới, ra vào,
 Vì kia lặn mọc dạy trao phép này.
 Luận đạo học chỉ đây một thức,
 Lẽ tình vì hết bậc thăm mầu.
 Miễn người chịu sẵn lòng tu,
 Ất là chẳng đối cùng nhau một lời.

VI. CÂU HỎI

1. “Hành chỉ như thế” là sao? Những gì là hành chỉ ?
2. “Cùng là thù đáp bốn ơn”. Bốn ơn là gì? Muốn thù đáp bốn ơn phải làm cách nào ?
3. Câu: “Đời đời nếu không lui sụt”, trong đây muốn chỉ cho mấy đời ?
4. Một môn học này là môn học nào ?

*

* *

BÀI XIX

I. HÁN TỰ

未留搜接。須儀豈聳方，生
 ，法精，德必威。上，戒生
 士教。揚恩，止器，因齋世
 之於葉敷佛棄住法葛勝修世。
 流且貝唱報虛。中之託懇。果
 中。尋傳，不持僧松附。踰因
 有超溫，來亦扶是倚。益虧妙
 若頓，理後光此便見尋廣謾殊
 能心義引時以，不千能莫，

II. NGHĨA

Nếu có kẻ Trung lưu, chưa thể nhất thời vượt bậc, hãy để tâm nơi giáo pháp, Bối điệp ôn tâm, tìm tòi nghĩa lý, truyền bá sâu rộng, dẫn dắt người sau để trả ơn Đức Phật; cũng chẳng nên phung phí thời giờ, quyết phải dùng nó để phò trì Chánh pháp. Đến như uy nghi trụ chỉ cũng là pháp khí trong Tăng.

Chúng ta đâu chẳng thấy dây sắn nướng quăn cội tòng mà vượt lên ngàn trượng, ấy cũng bởi nướng nhờ thắng nhờn, mới có thể được nhiều lợi ích.

Hãy tha thiết tu trì Trai giới: chớ nên dối thiếu vượt qua; kiếp kiếp đời đời gắng gieo trồng nhân quả thù diệu.

III. CHÚ

Kẻ trung lưu : Chỉ những người trí thức trung bình.

Bối điệp : Kinh điển. Vì bên Ấn Độ người ta dùng lá bối để chép những lời Phật dạy, nên hai chữ bối điệp là chỉ cho Kinh sách nhà Phật.

Phò trì : Giúp đỡ để duy trì.

Trụ chỉ : Dừng nghỉ, an trụ ở một ngôi già lam, hay chung sống trong hàng Tăng Bảo.

Pháp khí : Nghĩa đen là món đồ dùng trong Phật pháp. Đây chỉ là những người hữu dụng, những bậc nhân tài trong đạo pháp.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xuất gia phải nên cố gắng học hỏi để mở mang trí huệ, hầu có đủ khả năng hoằng truyền Chánh pháp, đem hết ý chí gánh vác Phật sự và phải thiết tha tu trì Trai giới

V. VĂN VẤN

*Bằng có kẻ giữa vời lũng đưng,
 Chưa dựng mau tỏ chứng thiền tông.
 Và đem giáo pháp để lòng,
 Ôn tìm lá Bối xét cùng ý sâu.
 Theo nghĩa lý nghiệm cầu tinh áo,
 Rộng mở bày dạy bảo đường tu.
 Toan phương dắt diu người sau,
 Trả ơn Đức Phật mau mau kéo mà.
 Ngày giờ chớ bỏ qua chẳng tiếc,
 Phải lần theo mãi miết tu trì.
 Đừng ngòi hợp cả uy nghi,
 Ấy là Pháp khí bậc thầy trong Tăng.
 Dè chẳng thấy lãng quăng dây sẵn,
 Nương cội tông lên thẳng nghìn tầm.
 Đưa theo nhưn tốt ám dâm,
 Mới hay thêm rộng cho tâm tánh mình.
 Phải biết giữ lòng thành Trai giới,*

*Chớ khung khinh mà trái vượt qua.
Đời đời kiếp kiếp thế mà,
Nhân màu quả đẹp ắt là chẳng không.*

VI. CÂU HỎI

1. Những kẻ trung lưu là đối với những hạng người nào mà gọi là trung lưu ?
2. Những kẻ trung lưu phải tu hành theo một đường hướng nào mới có kết quả ?
3. Câu “Chúng ta đâu chẳng thấy dây sắn nương quấn cội tòng...” là ý muốn nói gì ?

*

* *

BÀI XX

I. HÁN TỰ

不 可 等 閒 過 日 ， 兀
 兀 度 時 。 可 惜 光 陰 ，
 不 求 升 進 。 徒 消 十 方
 信 ， 亦 乃 孤 負 四 恩 。
 積 累 轉 深 ， 心 塵 易 壅
 。 觸 途 成 滯 ， 人 所 輕
 欺 。 故 云 ： [彼 既 丈
 夫 我 亦 爾] ， 不 應 自 此
 輕 而 退 屈 。 若 不 荏 苒
 ， 徒 在 緇 門 。 荏 苒 一
 生 ， 殊 無 所 益 。

II. NGHĨA

Chớ nên lần lữa qua ngày, dần dà hết buổi; thì giờ đáng tiếc lại chẳng cầu tiến lên! Đó là luống tiêu của mười phương tín thí, cũng chính là cô phụ bốn ơn; tội lỗi chứa chất càng nhiều, lòng trần dễ bề khóa lấp, sự lý không thông bị người khinh phụ.

Cổ đức dạy rằng: “Kia đã trượng phu ta cũng vậy” (Kinh Vị Tăng Hữu), chẳng nên tự khinh mà thói chuyển. Nếu không như thế, luống ở cửa Thiên, lê lét một đời không điều lợi ích.

III. CHÚ

Tín thí : Người thí vật có lòng tin. Đây là chỉ cho các Phật tử do có lòng tin mà cúng dường Tam Bảo.

Cô phụ : Người ta đem lòng tốt đối với mình mà mình không thể báo đáp lại tương xứng. Ý nói riêng một bên bị thua thiệt.

Khinh phụ : Khinh khi và phụ bạc. Do lòng khinh khi mà sanh ra bạc đãi.

Thối chuyển : Sụt lùi trở lại.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này: Khuyên người xuất gia cố công tu học. Nếu không, uổng phí một đời, không điều lợi ích.

V. VĂN VẤN

*Đừng lếu láo cho xong ngày bữa,
Đừng dấy đưa lần lựa qua thời.
Tiếc thay! Con bóng mặt trời,
Bỏ mà chẳng kiếm đường đời bước lên.
Luống tiêu tốn của bên thí chủ,
Ấy cũng là cô phụ bốn ơn.
Chứa dòn biển chẳng sâu hơn,
Bụi lòng rất dễ lấp chơn tu hành.
Dụng đường nào cũng thành trở trệ,
Vì chẳng thông người dễ rằng “ngu”!
Xưa rằng: “Kia đã trượng phu”,
“Thì ta cũng vậy dễ đâu thua hèn”!
Chẳng nên nghĩ mình quen bực dỡ,
Mình dễ mình mà trở lui ra.
Bằng không tình tán những là,
Chen vào cửa Phật ở mà làm chi?
Luống thơ thần thánh ngày lịch xịch,
Trót một đời có ích chi đâu?*

VI. CÂU HỎI

1. Câu: “Chớ nên lần lựa qua ngày... đến... chẳng câu tiến lên”, là dạy ta điều gì ?
2. Nếu chúng ta cứ nay lần mai lựa không lo sự nghiệp sẽ phạm những lỗi gì ?
3. Ở đoạn này Tổ Qui Sơn bảo ta nên lấy câu gì để tự gắng.

BÀI XXI

I. HÁN TỰ

志措於斷息。作為文宰，
 之舉隨決。塵只斯主，
 烈。擅須人諸，覽作
 決懷莫便別與寂熟強。
 興之，生由不境。○
 望。達流今不，空通策情。
 伏開他鄙。料緣心不警人
 ，看庸，意想忘。○滯時徇
 對久時莫

II. NGHĨA

Cúi mong, chí hưng quyết liệt, lòng mở rộng rang; động tịnh xem người Thượng trí, chẳng noi theo kẻ phàm ngu. Hiện đời ta nên quyết đoán, lo liệu chớ ỷ lại người.

Hãy dứt ý quên duyên, chẳng cùng các trần đối tượng; tâm không cảnh vắng, chỉ vì lâu lấp không thông.

Phải xem kỹ văn này (Văn Cảnh Sách), luôn luôn tự tỉnh, gắng làm chủ tế, chớ theo nhờn tình.

III. CHÚ

Động tịnh : Động là chỉ cho lúc ra làm các Phật sự; Tịnh là chỉ lúc ẩn tu. Cả hai trường hợp đều phải noi theo các bậc thượng trí. Hai chữ này do dịch nghĩa hai chữ *Cữ Thố* mà ra. Chữ *cữ* có nghĩa là ra làm, chữ *thố* có nghĩa là bỏ đi.

Phàm ngu : Phàm phu ngu muội.

Quyết đoán : Khi gặp việc có chú ý cương quyết để phán đoán.

Đối tượng : Sự thật nhắm làm mục đích của tư tưởng hoặc hành động của mình: mục tiêu.

Chủ tế : Đứng đầu. Người có quyền lực thống trị hết thảy.

Nhờn tình : Tánh tình thông thường của con người. Đây là chỉ cho tánh tình của phàm phu. Vì phàm phu bị vô minh huân tập lâu ngày thành tánh, hễ gặp cảnh thì theo đó mà phan duyên để gây ra các

ngiệp. Không theo như tình tức là không theo cái tánh do vô minh huân tập của phàm phu.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này dạy kẻ sơ cơ phương pháp tu hành và khuyên nên cố gắng tự cảnh tỉnh mà sửa chữa lấy mình.

V. VĂN VẦN

*Cúi xin phần chỉ Trương phu,
Mở lòng cao rộng mà tu cho rộng.
Động tịnh ngộ theo dòng Cổ đức,
Chớ học đòi những bậc tham si.
Kiếp này giải quyết tu trì,
Tại mình toan liệu tại gì ai đâu.
Đã bỏ duyên lại câu dứt ý,
Chớ đối cùng với mấy trần kia.
In nhau tâm cảnh nào chia,
Mất chừng Không tịch bởi vì chẳng thông,
Bài này phải xem trông cho kỹ,
Thường thường khi xét nghĩ đến điều.
Sự đời dễ đắm dễ xiêu,
Vững làm chủ tế chớ theo nhân tình.*

VI. CÂU HỎI

1. Khi lợi tha cũng như khi tự lợi, phải nương đâu làm chuẩn đích ?
2. Đoạn thứ hai trong bài này là dạy chúng ta điều gì ?

BÀI XXII

I. HÁN TỰ

業果所牽，誠難逃
避。聲和響順，形直
影端。因果歷然，豈
無憂懼。故經云：[業
假使百千劫，所作業
不亡。因緣會遇時，
果報還自受]。故知
三界刑罰，縈絆殺人
。努力勤修，莫空過

日。深知過患，方乃
相勸行持。願百劫千
生，處處同為法侶。

II. NGHĨA

Một khi nghiệp quả kéo lôi, thật là khó trốn; tiếng hòa vang thuận, hình thẳng bóng ngay; như quả rành rành dầu không lo sợ.

Nên trong Kinh nói rằng: "Dầu cho trăm ngàn kiếp, nghiệp làm kia không mất, nhân duyên khi hội ngộ, quả báo lại tự mang". Nên biết: Hình phạt trong tam giới, trói buộc chết người, phải gắng sức tu hành, chớ luống qua ngày tháng.

Đã rõ biết điều tội lỗi, nên mới khuyên như hành trì; nguyện trong trăm kiếp ngàn đời, nơi nơi đồng là bạn pháp.

III. CHÚ

Nghiệp quả : *Nghiệp* là thiện nghiệp, ác nghiệp; *quả* là cái nghiệp thiện ác cảm ra quả báo Như, Thiên, Quỷ, Súc v.v...

Nhân duyên : *Nhân* là nguyên nhân; *duyên* là các duyên. Sự sanh trưởng của một vật, có đủ hai phần *nhân* và *duyên*. Hễ gần và sức giúp mạnh là *nhân*, còn xa và sức giúp yếu là *duyên*. Như: Hạt giống là *nhân*; còn đất, nước, phân bón và nông phu v.v... là *duyên*.

Hội ngộ : Gặp gỡ. Khi một vật được phát sanh thì nhân và duyên cùng quy tụ, gọi là nhân duyên hội ngộ.

Hành trì : Giữ theo đó thật hành, tức y theo Phật pháp mà tu hành gọi là hành trì.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này chỉ bày lý nhân quả, khi nghiệp duyên đến rồi không thể nào trốn được, để khuyên nên lo tự độ và độ người.

V. VĂN VẤN

*Nỗi nghiệp quả đơm ngày khó tránh,
Tiếng vang hòa hình chánh bóng ngay.
Rõ ràng nhân quả xưa nay,
Há không lo sợ những thì tai ương.
Trong Kinh nói dẫu ngàn trăm kiếp,
Dễ mất đi cái nghiệp làm ra.
Nhân duyên khi gặp gỡ ta,
Bao nhiêu quả báo lại là mình mang.
Nên phải biết nghinh ngang ba cõi,
Hình phạt theo buộc trói chết người.
Công phu siêng gắng trọn đời,
Chớ dèm gang tác mặt trời bỏ qua.
Đã sâu tỏ những là tội lỗi,
Mới cùng nhau khuyên nổi tu hành.
Nguyện cho trăm kiếp ngàn sanh,
Đâu đâu cũng kết bạn lành với nhau.*

VI. CÂU HỎI

1. Một khi nghiệp quả vướng vào không thể trốn được, vậy chúng ta phải làm cách nào để dứt nó ?

2. Người tu hành đến quả vị nào mới tránh khỏi nghiệp quả trong Tam giới ?

3. Hãy định nghĩa hai chữ nhân duyên ?

*

* *

BÀI XXIII

I. HÁN TỰ

乃為銘曰：

幻身夢宅，空中物色。○
 前際無窮，後際寧剋。○
 出此沒彼，升沈疲極。○
 未免三輪，何時休息。○
 貪戀世間，陰緣成質。○
 從生至老，一無所得。○
 根本無明，因茲被惑。○
 光陰可惜，剎那不測。○
 今生空過，來世室塞。○
 從迷至迷，皆因六賊。○
 六道往還，三界匍匐。○

II. NGHĨA

Lời minh dạy rằng :

1. Thân hư nhà mộng, trong không vật sắc.
2. Ngần trước không cùng, mé sau xa lác.
3. Có đầy rồi không, xuống lên khổ khác.
4. Chưa khỏi tam luân, lúc nào dứt bật.
5. Tham luyến thế gian, ám duyên thành chất.
6. Từ sanh đến lão, một không sở đắc.
7. Căn bản vô minh, do đây mê hoặc.
8. Thời gian đáng tiếc, sát na không chắc.
9. Đời này bỏ trôi, kiếp sau bết tắc.
10. Từ mê đến mê, đều như sáu giặc.
11. Sáu nẻo đi về, ba nơi quanh mắc.

III. CHÚ

Lời minh : Một lối văn ngày xưa, dùng tóm đại cương nhắc lại văn trường hàng để đọc nhớ mãi không quên.

Tam luân : Tức Tam giới luân hồi. Nghĩa là chưa khỏi luân hồi trong Tam giới thì cứ phải xả thân thọ thân không lúc nào ngừng nghỉ.

Sở đắc : Cái do mình được, nghĩa là cái thân tứ đại hư huyền này, trong khoảng từ sanh ra đến già đi chỉ là bốn tướng giả hợp, không có cái gì là cái của mình.

Thành chất : Thành ra chất ngại. Tức sắc thân do ngũ ấm và các duyên tạo thành.

Sáu giác : Sáu thứ làm ngại người tu hành: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

IV. ĐẠI Ý

Câu 1 : Sắc chất hư huyễn.

Câu 2 : Thời gian vô cùng tận.

Câu 3 : Sự sanh diệt tương tục.

Câu 4 : Sự luân chuyển không dứt.

Câu 5 : Nói về Ái, Thủ và Hữu.

Câu 6 : Nói về “Hư sanh không lão”

Câu 7 : Vô minh hoặc.

Câu 8 : Mạng người mau chóng không
lường được.

Câu 9 : Hiện nhân hậu quả.

Câu 10: Nguyên do của nhân quả.

Câu 11: Luân chuyển không thôi.

V. VĂN VẤN

*Rằng thân hoạn chiêm bao nhà cửa,
Tuồng sắc hình hiện giữa chơn không.
Minh mang lối trước không cùng,
Lối sau nào lại có tông tích gì?*

Luống tráo chác vào dây ra đó,
 Lúc nổi chìm cực khổ biết bao :
 Chưa xong ba cõi ra vào,
 Ví như xe nước lúc nào nghỉ ngơi.
 Bởi tham mến trong đời dơ dục,
 Ấm hòa duyên nên vóc nên hình.
 Từ khi tiếng khóc mới sanh,
 Đến già không dặng đỡ mình chút chi!
 Góc vô minh nhọn rày lâm lỗi,
 Tiếc bóng rơi mai tới chẳng lường.
 Kiếp nay bỏ không qua đường,
 Kiếp sau mù mịt thể dường lấp che.
 Từ mê hoặc đến mê mê hoặc.
 Bởi sáu thằng lục tặc làm tai.
 Sáu đường pháp giới vãng lai,
 Lết bò trong cõi ba loài khổ thân!

VI. CÂU HỎI

1. Lời mình là gì ?
2. Con người chưa khỏi được Tam luân phải chịu những hình phạt như thế nào ?
3. Con người do đâu mà có ?
4. Con người gây tạo những nghiệp quả là do đâu ?
5. Các nghiệp quả ấy sẽ đem lại cho chúng sanh những hình phạt gì ?

BÀI XXIV

I. HÁN TỰ

早訪明師，親近高德○
 決擇身心，去其荊棘○
 世自浮虛，眾緣豈逼○
 研窮法理，以悟為則○
 心境俱捐，莫記莫憶○
 六根怡然，行住寂默○
 一心不生，萬法俱息○

II. NGHĨA

12. Sớm hỏi Minh sư, gần người Cao đức.
13. Lựa chọn thân tâm, bỏ điều phiền phức.
14. Đời tự phù hư, các duyên há bức.
15. Nghiệm cùng pháp lý, ngộ được mới dứt.
16. Tâm cảnh đều quên, không còn ký ức.
17. Sáu căn vui vẻ, đứng đi vắng bật.
18. Nhất tâm chẳng sanh, muôn pháp đều dứt.

III. CHÚ

Minh sư : Những bậc thầy sáng suốt.

Cao đức : Đạo đức cao dày.

Điều phiền phức : Chỉ cho phiền não làm rối loạn thân tâm.

Ký ức : Sự ghi nhớ.

Nhất tâm : Tâm thuần nhất, không có hai tướng hư vọng.

IV. ĐẠI Ý

Câu 12 : Nương theo thầy.

Câu 13 : Quyết trạch các pháp.

Câu 14 : Nhận biết hư vọng.

Câu 15 : Trở về tánh chơn.

Câu 16 : Quên các tướng.

Câu 17 : Tịch mà thường chiếu.

Câu 18 : Tâm cảnh không còn.

V. VĂN VẤN

*Phải sớm hỏi bậc Thầy minh tuệ,
Tâm những người Cao đức mà nương.
Thân tâm phải lựa cho tường,
Bao nhiêu gai góc giữa đường dẹp đi.
Đời mị mộng có gì đâu có,*

*Nào các duyên hay bó buộc mình.
Xét cùng pháp lý cho tình,
Lấy điều chứng ngộ chí tình công ta.
Dem Tâm cảnh, bỏ ra cho khỏi,
Đừng nhớ mà tâm tôi làm chi.
Sáu căn tự được vui vậy,
Đừng ngồi lẳng bặt có gì nữa đâu.
Một lòng nọ ví dầu chẳng khởi,
Muôn pháp kia đều thấy dứt đi.
Cạn lời xin hãy gắng ghi,
Tu hành xin phải đêm ngày xét soi.*

VI. CÂU HỎI

1. Chúng ta muốn dứt tất cả nghiệp quả phải làm cách nào ?
2. Muốn được “Nhất tâm không sanh” phải làm cách nào ?
3. Câu: “Tâm cảnh đều quên, không còn ký ức” ý nói gì ?

*

* *

PHẦN DỊCH ÂM

QUI SƠN ĐẠI VIÊN THIÊN SỰ CẢNH SÁCH

BÀI THỨ NHẤT

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy; Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành; tuy nãi tứ đại phò trì, thường tương vi bội, vô thường lão bệnh, bất dữ nhưn kỳ; triêu tồn tịch vong, sát-na dị thể.

BÀI THỨ HAI

Thí như xuân sương hiểu lộ, thúc hốt tức vô, ngạn thọ, tỉnh đằng, khởi năng trường cửu, niệm niệm tấn tốc, nhất sát-na gian, chuyển tức tức thị lai sanh, hà nãi yển nhiên không quá?

BÀI THỨ BA

Phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly; bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyền kế tự. Miến ly hương đẳng, thế phát bảm sự; nội cần khắc niệm chi công, ngoại hồng bất tranh chi đức. Quýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly.

BÀI THỨ TƯ

Hà nãi tài đẳng giới phẩm, tiện ngôn “Ngã thị Tỳ Kheo”. Đàn việt sở tu, khiết dụng thường trụ. Bất giải

thôn tư lai xứ, vị ngôn: “Pháp nhĩ hiệp cúng”. Khiết liễu tụ đầu huyền huyền, dẫn thuyết như gian tạp thoại.

BÀI THỨ NĂM

Nhiên tác nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân. Năng kiếp tuần trần, vị thường phản tình; thời quang yểm một, tuệ nguyệt tha đà. Thọ dụng ân phôn, thí lợi nùng hậu, động kinh niên tải, bất nghi khí ly, tích tụ tư đa, bảo trì huyền chất.

BÀI THỨ SÁU

Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỳ Kheo : “Tấn đạo nghiêm thân, tam thường bất tức”; như đa ư thủ, đam vị bất hu, nhật vãng nguyệt lai, tạp nhiên bạch thủ. Hậu học vị văn chỉ thú, ung tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia, quý cầu y thực.

BÀI THỨ BẢY

Phật tiên chế luật, khả sáng phát mông, quỹ tác uy nghi, tịnh như băng tuyết, chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm, vi tế điều chương, cách chư ỏi tệ. Tỳ-ni pháp tịch, tăng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa, khởi năng chơn biệt. Khả tích, nhất sanh không quá, hậu hối nan truy; giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô như kế ngộ.

BÀI THỨ TÁM

Nãi chí, niên cao lập trưởng, không phúc cao tâm; bất khảng thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo; vị am pháp luật, tạp nhiệm toàn vô. Hoặc đại ngữ cao thình, xuất ngôn vô độ; bất kính Thượng, Trung, Hạ tọa, Bà-la-môn tụ hội vô thù. Uyển bát tác thình, thực tất tiên khởi; Khứ tỵ quai giác, Tăng thể toàn vô, khởi tọa chung chư, động tha tâm niệm. Bất tồn ta ta quĩ tắc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhơn phỏng hiệu. Tài tương giác sát, tiện ngôn: “Ngã thị sơn Tăng”. Vị Văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo.

BÀI THỨ CHÍN

Như tư tri kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhơn tuân, nhâm nhiệm nhơn gian toại thành sơ dã. Bất giác lũng chủng lão hủ, xúc sự diện tường; hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn, tủng hữu đàm thuyết, bất thiệp diễn chương, hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ. Sân tâm phẩn khởi, ngôn ngữ cai nhơn.

BÀI THỨ MƯỜI

Nhất triều ngọa tạt tại sàng, chúng khổ oanh triển bức bách. Hiểu tịch tư thôn, tâm lý hồi hoàng, tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng, tủng tư thĩ tri hối quá, lâm khát quật tinh hê vi ? Tự hận tảo bất dự tu, niên vãng

đa chư quá cũu. Lâm hành huy hoắc, phạm bố chương
hoàng; học xuyên tước phi. Thức tâm tùy nghiệp, như
nhơn phụ trái, cường giả tiên khiên; tâm chử đa đoan,
trọng xứ thiên trụ; vô thường sát quĩ, niệm niệm bất
đình; mạng bất khả diên, thời bất khả đãi. Nhơn
thiên tam hữu ưng vị miễn chi, như thị thọ thân phi
luyện kiếp số !

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

Cảm thương thán nhạ, ai tai thiết tâm! Khởi khả
giam ngôn, đệ tương cảnh sách. Sở hận đồng sanh
tượng quý, khứ Thánh thời diêu, Phật pháp sanh sơ,
nhơn đa giải đãi; lược thân quản kiến, dĩ hiểu hậu lai,
nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình
dị tục, thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân,
dụng báo tứ ân, bạt tế Tam hữu. Nhược bất như thử,
lạm xí Tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín
thí. Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di, hoảng hốt nhưt
sanh, tương hà bằng thị.

BÀI THỨ MƯỜI BA

Hướng nãi đường đường Tăng tướng, dung mạo
khả quan, giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo;
tiện nghĩ đoan nhiên cung thủ, bất quý thốn âm; sự

ngiệp bất cần, công quả vô nhơn khắc tỵ. Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô tì.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

Từ thân quyết chí phi truy, ý dục đấng siêu hà sở; hiểu tịch tư thốn, khởi khả thiên diên quá thời. Tâm kỳ Phật pháp đồng lương, dụng tác hậu lai quy cảnh. Thường dĩ như thử, vị năng thiếu phần tương ưng. Xuất ngôn, tu thiệp ư điển chương; đàm thuyết, nãi bàng ư kê cổ, hình nghi đĩnh đặc, ý khí cao nhàn.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

Viễn hành yếu giả lương bằng, sát sát thanh ư nhi mục; Trụ chỉ tất tu trạch bần, thời thời văn ư vị văn. Cố vân: “Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu”. Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuần; hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến. Hiểu tịch tạo ác tức mục giao báo, một hậu trầm luân ; nhất thất nhơn thân, vạn kiếp bất phục. Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai ! Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh ; uẩn tố tinh thân, huyền hiệu chỉ tuyệt.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

Nhược dục tham thiên học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn, tâm khế huyền tân, nghiên cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khả ngộ chơn nguyên; bác vấn

tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử tôn nan đặc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm; khả trung, đốn ngộ chánh nhơn, tiện thị xuất trần giai tiệm. Thử tác phá Tam giới nhị thập ngũ hữu.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

Nội ngoại chư pháp, tận tri bất thật; tòng tâm hiện khởi, tất thị giả danh; bất dụng tương tâm thấu bạc. Dẫn tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhơn. Nhậm tha pháp tánh châu lưu, mạc đoạn mạc tục, văn thỉnh kiến sắc, cái thị tầm thường; giá biên na biên, ứng dụng bất khuyết.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM

Như tư hành chỉ, thật bất ủng phi pháp phục, diệp nãi thù báo tứ ân, bạc tế Tam hữu. Sanh sanh nhược năng bất thoái, Phật giai quyết định khả kỳ. Vãng lai tam giới chi tân, xuất một vị tha tác tác. Thử chi nhất học, tối diệu tối huyền, dẫn biện khẳng tâm, tất bất tương trảm.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối diệp, tinh sư nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Thời quang diệp bất hư khí, tất tu dĩ thử phò trì; trụ chỉ oai nghi, tiện thị Tăng trung pháp khí.

Khởi bất kiến ỷ tòng chi cát, thượng tủng thiên tâm;
phụ thác thắng nhơn, phương năng quảng ích. Khẩn
tu trai giới, mạc man khuy du, thế thế sanh sanh, thù
diệu nhơn quả.

BÀI THỨ HAI MƯỜI

Bất khả đẳng nhàn quá nhựt, ngọt ngọt độ thời;
khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập
phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân, tích luy chuyển
thâm, tâm trần dị ứng; xúc đồ thành trệ, nhơn sở
khinh khi. Cổ vân: “Bỉ ký trọng phu ngã diệc nhĩ”,
bất ưng tự khinh nhi thoái khuất. Nhược bất như thử,
đồ tại truy môn, nhậm nhiễm nhất sanh, thù vô sở
ích.

BÀI THỨ HAI MƯỜI MỐT

Phục vọng, hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt
chi hoà; cũ thổ khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư
dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tướng liệu bất
do biệt nhơn; tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác
đối; tâm không cảnh tịch, chỉ vị cữu trệ bất thông.
Thục lâm tư vấn, thời thời cảnh sách, cương tác chủ tế,
mạc tuấn nhơn tình.

BÀI THỨ HAI MƯỜI HAI

Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào ty. Thịnh hòa
hưởng thuận, hình trực ảnh đoan. Nhơn quả lịch

nhiên, khởi vô ưu cụ. Cố Kinh vân: “Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, như duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ”. Cố tri Tam giới hình phạt, oanh bạn sát như; nỗ lực cần tu, mặc không quá nhạt. Thâm tri quá họa, phương nãi tương khuyến hành trì; nguyện bách kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ.

BÀI THỨ HAI MƯỚI BA

Nãi vi minh viết :

Huyễn thân mộng trạch không trung vật sắc.
 Tiền tế vô cùng, hậu tế ninh khắc ?
 Xuất thử một bỉ, thăng trầm bì cực;
 Vị miễn tam luân, hà thời hưu tức ?
 Tham luyến thế gian, ám duyên thành chất.
 Tùng sanh chí lão, nhất vô sở đắc.
 Căn bản vô minh, như tư bị hoặc,
 Quang âm khả tích, sát na bất trắc.
 Kim sanh không quá, lai thế trất tặc.
 Tùng mê chí mê, giai như lục tặc.
 Lục đạo vãng hoàn, Tam giới bồ bặc.

BÀI THỨ HAI MƯỚI BỐN

Tảo phóng minh sư, thân cận cao đức.
 Quyết trạch thân tâm, khứ kỳ kinh cực,

Thế tự phù hư, chúng duyên khởi bức ?
Nghiên cùng pháp lý, dĩ ngộ vi tắc,
Tâm cảnh câu quyên, mạc ký mạc úc.
Lục căn di nhiên, hành trụ tịch mặc.
Nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức.

*Dịch xong tại Khánh Vân
Ngày 12-4-1971
(16/3 năm Tân Hợi)*

*

* · *

PHỤ BÀI SÁM QUI MẠNG

Nguyên tác của Ngài DI SƠN *thiền sư*

*

Qui mạng thập phương Điều Ngự Sư.
 Diễn dương thanh tịnh vi diệu pháp,
 Tam thừa, Tứ quả giải thoát Tăng,
 Nguyên tứ từ bi ai nhiếp thọ.
 Đệ tử chúng đấng:
 Tự vi chơn tánh,
 Ưống nhập mê lưu,
 Tùy sanh tử dĩ phiêu trầm.
 Trục sắc thính nhi tham nhiễm.
 Thập triền thập sử,
 Tích thành hữu lậu chi non.
 Lục căn lục trần.
 Vọng tác vô biên chi tội.
 Mê luân khổ hải,
 Thâm nịch tà đồ.
 Trước ngã đam non,
 Cử ướng thố trực.
 Lụy sanh nghiệp chướng.
 Nhứt thiết khiên vu.
 Ngưỡng Tam Bảo dĩ từ bi,

Lịch nhứt tâm nhi sám hối
Sở nguyện :
Năng Nhơn chững bạc
Thiện hữu đề huề,
Xuất phiền não chi thâm uyên.
Đáo Bồ đề chi bỉ ngạn.
Thử thế, phước cơ mạng vị,
Các nguyện xươg long.
Lai sanh, trí chươg linh miêu,
Đồng hy Tăng tú.
Sanh phùng trung quốc,
Trườg ngộ minh sư.
Chánh tín xuất gia,
Đồng chơn nhập đạo
Lục căn thông lợi,
Tam nghiệp thuần hòa
Bát nhiễm thế duyên,
Thườg tu phạm hạnh
Cháp trì cấm giới.
Trần nghiệp bất xâm.
Nghiêm hộ oai nghi.
Quyên phi vô tổn.
Bát phùng Bát nạn,
Bát khuyết Tứ duyên.
Bát Nhã trí dĩ hiện tiền.

Bồ đề tâm nhi bất thối.
 Tu tập Chánh pháp
 Liễu ngộ Đại thừa
 Khai lục độ chi hạnh môn,
 Việt tam kỳ chi kiếp hải,
 Kiến pháp tràng ư xứ xứ
 Phá nghi võng ư trùng trùng.
 Hàng phục chúng ma,
 Thiệu long Tam Bảo.
 Thừa sự thập phương chư Phật,
 Vô hữu bì lao,
 Tu học nhất thiết pháp môn,
 Tất giai thông đạt.
 Quảng tác phước huệ
 Phổ lợi trần sa,
 Đắc lục chủng chi thân thông,
 Viên nhất sanh chi Phật quả.
 Nhiên hậu :
 Bất xả pháp giới,
 Biến nhập trần lao
 Đẳng Quan Âm chi từ tâm.
 Hạnh Phổ Hiền chi nguyện hải.
 Tha phương thử giới,
 Trục loại tùy hình,
 Ứng hiện sắc thân,

Diễn dương diệu pháp,
Nê lê khổ thú,
Ngạ quỷ đạo trung,
Hoặc phóng đại quang minh,
Hoặc hiện chư thân biến.
Kỳ hữu kiến ngā tướng.
Nãi chí văn ngā danh.
Giai phát Bồ-đề tâm.
Vĩnh xuất luân hồi khổ.
Hỏa hoạch băng hà chi địa,
Biến tác hương lâm.
Ấm đồng thực thiết chi đồ,
Hóa sanh Tịnh độ.
Phi mao đới giác,
Phụ trái hàm oan.
Tận bãi tân toan,
Hàm triêm lợi lạc.
Tật dịch thể nhi hiện vi dược thảo,
Cứu liệu trầm kha,
Cơ cần thời nhi hóa tác đạo lương,
Tế chư bản nổi.
Đản hữu lợi ích.
Vô bất hưng sùng.
Thứ kỳ :
Luy thế oan thân,

*Hiện tôn quyền thuộc,
Xuất tứ sanh chi cốt một,
Xả vạn kiếp chi ái triền.
Đẳng dữ hàm sanh, tề thành Phật đạo.
Hư không hữu tận,
Ngã nguyện vô cùng,
Tình dữ vô tình,
Đồng viên chủng trí*

Di Sơn Thiên Sư

*

* *

QUI MẠNG DIỄN NGHĨA

THÍCH HOÀN QUAN

Mười phương Điều Ngự nguyện về nương,
 Trong sạch Pháp mâu thệ xiển dương,
 Bốn quả, Ba thừa Tăng giải thoát,
 Từ bi thấu nập rải lòng thương.

*

Kiếp lại kiếp trái thường Chơn tánh,
 Theo đường mê nặng gánh trần ai
 Xuống lên sanh tử bao nài
 Nhiễm mùi thanh sắc càng ngày càng sâu.
 Nào triền sử⁽¹⁾ từ lâu thất chặt.
 Chứa đã thành dày đặc lậu nhân⁽²⁾
 Sáu căn hiệp với sáu trần.
 Đối gây tội cấu chất ngân trời cao
 Nơi khổ hải dẫn vào lặn hụp
 Chốn tà đồ mãi dục chân bon
 Đam mê nhân ngã bằng non
 Đi theo đường vậy, bỏ con đường bằng
 Bao kiếp trước dùng dằng dây nghiệp
 Nhiều đời qua oan kiếp còn giâm
 Ngửa mong Tam Bảo từ tâm

(1) TRIỀN SỬ : Tức là Thập triền và Thập sử.

(2) LẬU NHÂN : Nhân hữu lậu. Tạo nhân thiện ác để thành thân sau.

Một lòng sám hối lỗi lầm sạch trơn
 Nguyên xin đấng Năng Nhơn cứu vớt
 Mỗi mòn trông bạn tốt diu nhau
 Vượt ra phiền não vực sâu
 Đến nơi ngàn giác nhiệm mầu bờ kia
 Kiếp hiện tại phước lành, mạng vị,
 Đòi lai sanh giống trí, mạ linh,
 Những mong xươg thanh cho mình
 Những mong tươi đẹp thêm xinh sắc màu
 Sanh vào chốn trung châu quốc thổ
 Lớn lên cùng hội ngộ minh sư
 Do lòng chánh tín chơn như
 Xuất gia nhập đạo đồng chơn buổi đầu
 Sáu căn đủ lậu lậu thông lợi
 Ba nghiệp đầy vơi vơi thuần lương
 Duyên đời há để nhiệm vương
 Siêng tu phạm hạnh, giữ thường giới căn
 Nghiệp trần cấu đón ngăn chớ phạm
 Gìn uy nghi chẳng dám lẩn sai
 Côn trùng nhỏ nhít cựa bay
 Hộ sanh nào để ý này tổn thương
 Kia tám nạn⁽¹⁾ chưa từng vướng víu
 Nọ bốn duyên⁽¹⁾ chẳng thiếu chi đâu

(1) TÁM NAN : Tức là tám chỗ không gặp Phật pháp. Tám chỗ ấy là :

1) Địa ngục, 2) Súc sanh, 3) Ngạ quỷ, 4) Đui, điếc, ngong, câm, 5) Thế tri biện thông, 6) Sanh trước hoặc sanh sau Phật, 8) Bắc Câu Lô Châu, 8) Vô tướng Thiên.

Hiền bày Bát Nhã trí mâu
 Bồ đề tâm ấy vững lâu chẳng lụi
 Nương Chánh pháp hằng vui tu tập
 Hiểu Đại thừa chẳng chấp tà tôn
 Mở bày Lục độ hạnh môn
 Vượt ra kiếp số minh mông ba kỳ
 Dụng cờ pháp lãn đi mọi chỗ
 Xé lưới nghi kiên cố điệp trùng
 Uy linh hàng phục ma hung
 Nói hưng Tam Bảo tận cùng ngàn sau
 Mười phương Phật vưng thờ không mỗi
 Ngàn pháp môn học hỏi lâu thông.
 Rộng tu phước huệ viên dung
 Lợi người cứu vật khắp cùng trần sa
 Thân thông nạn được qua sáu phép
 Phật quả kia viên kíp một đời
 Rồi sau pháp giới chẳng rời
 Khấp vào sanh tử độ người trăm luân
 Lòng từ Đức Quan Âm bi thiết
 Hạnh Phổ Hiền nào biết mỗi mê
 Cõi này phương khác chi nề
 Tuyên dương chánh pháp tùy loài hiện thân
 Chốn địa ngục khổ phân vĩnh kiếp

(1) BỐN DUYÊN : Có hai thuyết :

- 1) Thấy nghe duyên, nghe pháp duyên, hộ pháp duyên, phát tâm duyên.
Bốn duyên này giúp cho tâm Bồ-đề được tăng trưởng.
- 2) Áo mặc, cơm ăn, đồ nằm, thuốc thang.

Trong đường ma quỷ nghiệp còn vương
 Phóng quang chiếu sáng đôi đường
 Hoặc là thần biến tùy phương hiện hình
 Người thấy tướng tâm linh diệu vợi
 Kể nghe danh phôi phôi mừng vui
 Bỏ-đề tâm phát chẳng lui
 Vượt ra khổ ải, luân hồi hằng không
 Nơi ngục giá, lửa hồng hăng hắc
 Biến thành rừng thơm ngát mùi hương
 Uống đồng nuốt sắt thảm thương
 Hóa ra Lạc quốc, Thiên đường tịnh chơn
 Giống chử nặng, ngậm hờn nhiều nổi
 Loài mang lông, đầu đội sừng dài
 Hết điều khổ lụy bi ai
 Hưởng điều lợi lạc, ngày ngày lo chi
 Đòi tạt dịch con thì hiện thuốc
 Cứu bệnh nghèo đều được tiêu tan
 Trời sanh nhiều nổi cơ hàn
 Hóa ra lúa bắp độ an cảnh nghèo
 Điều lợi ích bao nhiêu chẳng những
 Không việc nào chẳng khứng ra ân
 Kế là nhiều kiếp oan thân
 Bà con quyến thuộc kẻ gần người xa
 Dứt dây nghiệp ái hà nhiều mối
 Biến tứ sanh⁽¹⁾ chìm nổi đưa qua

(1) TỨ SANH : Bốn loại sanh : noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh.

*Hàm linh hết thấy đều là
Đồng thành quả Phật ngự tòa Pháp Vương.*

*

*Nay xin dâng tấm lòng son
Hư không có hết nguyện con chẳng cùng
Hữu vô tình thức nguyên chung
Đồng viên trí Phật đồng cùng an vui.*

*

* *

DUY THỨC
TAM THẬP TỤNG
(GIẢNG YẾU)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

THÂN THỂ

Ngài Thiên Thân, tiếng Phạn gọi là Bà Tẩu Bàn Đậu hay Bà Tu Bàn Đà cũng gọi là Phật Tổ Bản Độ (Vasubandhu). Trung Hoa dịch là Thiên Thân hay Thế Thân.

Theo truyện Bà Tẩu Bàn Đậu, thì Ngài là người nước Phú Lâu Sa Phú Lã, miền Bắc Ấn Độ, tức là nước Trung Phu bây giờ. Ngài ra đời sau Phật diệt độ 900 năm. Gia đình Ngài có ba anh em, đều lấy tên là Bà Tẩu Bàn Đậu. Người anh cả có tên riêng là A Tăng Già (Asanga) tức là Ngài Vô Trước. Người em út (người thứ ba) có tên riêng là Tỷ Lâu Trì Bạt Bà. Còn người giữa lấy tên chung là Bà Tẩu Bàn Đậu, chính là Ngài Thế Thân.

CÔNG NGHIỆP TRƯỚC TÁC

Trước kia, Ngài xuất gia theo bộ phái Tác Bà Sa, và nghiên cứu học hỏi giáo nghĩa Tiểu thừa. Ngài thông suốt nghĩa lý bộ luận Đại Tỳ Bà Sa và vì chúng

giảng nói. Cứ mỗi ngày, Ngài làm một bài kệ, tổng cộng được 600 bài gọi là CÂU XÁ LUẬN. Đến sau, nhờ anh Ngài là Vô Trước khuyến hóa, Ngài hiểu rõ chỗ thâm diệu của Đại thừa nên hết sức ăn năn, rồi bỏ Tiểu thừa theo Đại thừa.

Để sám hối cái tội “chấp Tiểu phỉ Đại”, Ngài định cắt lưỡi để tạ tội, nhưng Ngài Vô Trước không cho và bảo rằng: “Trước kia em đã đem lưỡi ấy phỉ báng Đại thừa, thì bây giờ em vẫn đem nó ra mà ca ngợi Đại thừa, tuyên dương Đại giáo cũng đủ chuộc lại tội kia vậy”.

Từ ấy, Ngài bắt đầu sáng tác các bộ Luận Đại Thừa Duy Thức, tổng cộng được năm trăm bộ để hoằng dương giáo nghĩa Đại thừa.

Theo lời sớ của bài tựa Bách Luận thì trước Ngài theo Tiểu thừa học thông 500 bộ luận, sau về Đại thừa Ngài sáng tác 500 bộ nữa. Vì thế, người đời gọi Ngài là Thiên Bộ Luận Chủ.

Ngài thọ được 80 tuổi và tịch ở nước A Du Đà.

*

* *

BÀI I

唯識三十頌講要

天親菩薩造

DUY THỨC TAM THẬP TỤNG GIẢNG YẾU
DO NGÀI THIÊN THÂN BỒ TÁT TẠO RA

*

- Thức là gì ?

- Thức là sự nhận thức phân biệt. Sơn hà, đại địa là những vật bị phân biệt (đối tượng phân biệt), cũng gọi đó là cảnh, là sự, là vật. Cái tác dụng hay phân biệt sơn hà, đại địa gọi đó là *Thức*. Cảnh thì có hình tướng, Thức thì không hình tướng, do đó người đời ngỡ là hai vật khác nhau, nhưng dầu là Năng phân biệt hay Sở phân biệt cũng chỉ là Thức mà thôi, chứ không phải hai vật. Vì thế nên gọi là *Duy Thức*.

Người đời thường thấy sơn hà, đại địa cho là thật có, nên không tin Duy Thức, nay muốn nói rõ rằng: Những sự vật kia đều chỉ do Thức biến hiện, không phải thật có, nên gọi là *Duy Thức Học*.

Thông thường trong Kinh Phật, cứ mỗi bốn câu là một bài tụng, nay đem 30 bài tụng để giải thích diệu nghĩa của Duy Thức, nên gọi là *Duy Thức Tam Thập Tụng*. Ba mươi bài tụng Duy Thức này do Ngài Thiên Thân Bồ Tát làm ra, văn nghĩa rất thâm diệu, kẻ sơ học thật khó thông hiểu, nay theo nghĩa cốt yếu thông thường mà giảng giải để cho ai cũng có thể hiểu được, nên gọi là *Duy Thức Tam Thập Tụng Giảng Yếu*.

*

* *

BÀI II

若唯有識，云何世間

Nhược duy hữu Thức vân hà thế gian

及諸聖教，說有我法

Cập chư Thánh giáo thuyết hữu Ngã Pháp ?

DỊCH NGHĨA

Nếu chỉ có Thức thì sao thế gian và các Thánh giáo đều nói có Ngã Pháp ?

CHÚ THÍCH

Thế gian : Thế có nghĩa thiên lưu, phá hoại, phúc chơn (che lấp chơn tánh); Gian có nghĩa là trong, là sự vật sa đoạ trong đời gọi đó là gian. Lại chữ gian còn có nghĩa là ngăn cách, là sự vật trong đời từng cái từng cái ngăn cách nhau làm thành ranh giới, nghĩa này đồng với chữ thế giới. Đại lược thì Thế gian có hai loại: Một là Hữu tình thế gian, chỉ cho loài có tình thức. Hai là Khí thế gian, tức là quốc độ. Chữ thế gian trong đây dùng là riêng chỉ cho loài người trong xã hội, người thế tục.

Ngã : Chủ thể, thường nhất, tự tại.

Pháp : Những gì duy trì được tự tánh, có khuôn khổ của mình để cho người ta có thể nhận biết được đều gọi là *Pháp*. Vậy *Pháp* có nghĩa là *Quy Tri* : Nhậm *Tri* tự tánh, *Quy* sanh vật giải (Giữ gìn thể cách của mình để có một khuôn khổ nào đó, khiến người trông vào sanh ra sự hiểu biết).

ĐẠI Ý

Câu trên Luận chủ mượn lời người ngoài để hỏi về **NGÃ** và **PHÁP**.

GIẢNG YẾU

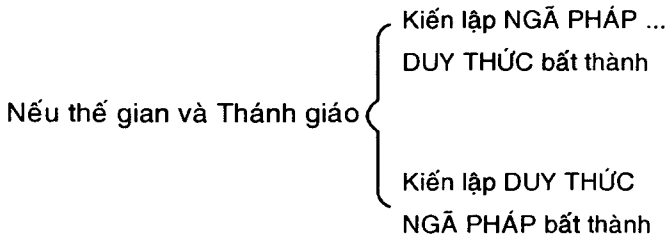
Thông thường người đời đều cho sơn hà, đại địa, mọi sự mọi vật là thật có, nhưng nay thoát nhiên nghe nói sơn hà, đại địa v.v... đều không phải là thật vật, chỉ là cái giả, tướng của Duy Thức biến ra, thì chắc chắn họ không thể nào tin được. Vì người đời không tin, nên Luận chủ mới đề xướng Duy Thức học để giải thích những chỗ nghi ngờ ấy. Muốn đặt vấn đề để giải thích, ở đây Luận chủ giả lập lời hỏi đáp.

Xem lược biểu :

Sơn hà đại địa	{	Thường thức thế gian	{ Thật có sự vật { Chẳng phải thức biến
		Bổn ý Luận chủ	{ Duy Thức biến ra { Chẳng có thật vật

Nếu Luận chủ bảo rằng: Tất cả đều Duy Thức thì tại sao chẳng những thế gian đều nói có *Ngã Pháp*, mà ngay trong các Thánh giáo cũng đều nói có Ngã Pháp? Nếu có Ngã Pháp như thế gian và Thánh giáo đã nói, thì Duy Thức không thể thành lập; còn như thành lập *Duy Thức* thì *Ngã Pháp* không thành. Vậy trong hai điều đó quyết phải thừa nhận một điều. Đây là cả một vấn đề quan yếu, mà Luận chủ cần phải giải quyết.

Tóm tắt theo lược biểu :



*

* *

BÀI III

1) 由假說我法

Do giả thuyết ngã pháp

有種種相轉

Hữu chủng chủng tướng chuyển

彼依識所變

Bỉ y thức sở biến

此能變爲三

Thử năng biến vi tam

2) 謂異孰思量

Vị dị thức, Tư lương

及了別境識

Cập Liễu biệt cảnh thức

DỊCH NGHĨA

1. Do giả nói ngã pháp
Có các thứ tướng chuyển
Nó y Thức biến ra
Năng biến này có ba:
2. Là Dị thực, Tư lương
Và Liễu biệt cảnh thức

CHÚ THÍCH

Dị thực : Đệ bát thức.

Tư lương : Đệ thất thức.

Liễu biệt cảnh : Tiền lục thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

ĐẠI Ý và PHÂN ĐOẠN

Bài này đáp lời hỏi ở trước: Nói nguyên do tại sao Thế gian và Thánh giáo đều nói có *Ngã* và *Pháp*. Có hai phần:

1) Lược nói nguyên do vì sao Thế gian và Thánh giáo nói có Ngã Pháp (4 câu đầu).

2) Đưa ra 3 món Năng biến thức (2 câu sau).

GIẢNG YẾU

Trong câu hỏi trước dùng chữ Sao để hỏi cái nguyên do vì sao trong Thánh giáo cũng nói có *Ngã Pháp*. Ở đây Luận chủ dùng chữ *Do* để đáp cái nguyên do trên.

Trong câu hỏi dùng chữ *Nói Có*, người ta nghi chữ *Có* là *Thật Có*. Ở đây Luận chủ dùng chữ *Giả Nói* để đáp lại lời hỏi. Ý bảo rằng : Sự *Nói* đã là *Giả*, thì *Có* cũng là *Giả Có*.

Ba câu đầu trong bài này nói: Không luận là Thế gian hay Thánh giáo nói *Có Ngã Pháp*, đó chẳng qua đều là *Giả Nói*. Hễ có *Giả Nói* thì người nghe liền có các thứ Ngã tướng, Pháp tướng chuyển khởi. Nhưng các thứ ngã tướng, pháp tướng y cứ nơi đâu mà chuyển khởi ? Chính là chỉ y nơi Thức mà biến khởi.

Thí như có người ngồi trong tịnh thất, nghe nói có quỉ ở góc hè... hoặc tuyết bay mù mịt bên ngoài... hay nghe nói cảnh Cực Lạc toàn là thất bảo trang nghiêm v.v... thì khi ấy trí người nghe liền có các Tướng hiện ra. Các tướng đó chính là Cảnh sở biến vậy.

Ba câu dưới nói: Đã có Cảnh sở biến tức nhiên phải có cái Năng biến. Năng biến đây chính là *Thức*. Năng biến thức có chia làm 3 loại.

*

* *

BÀI IV

第一能變識

Đệ nhất năng biến thức

初阿賴耶識

Sơ A Lại Da thức,

異熟一切種

Dị thục, Nhất thiết chủng.

3) 不可知執受

Bất khả tri chấp thọ,

處了常與觸

Xứ, Liễu thường dũ Xúc,

作意受想思

Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư;

相應唯捨受

Tương ứng duy Xả thọ.

4) 是無覆無記

Thị vô phú vô ký;

觸等亦如是

Xúc đẳng diệc như thị.

恆轉如瀑流

Hằng chuyển như bộc lưu

阿羅漢位捨

A-la-hán vị xả.

DỊCH NGHĨA

Thức Năng biến thứ nhất

*

Một, Thức A-lại-da,

Dị thực, Nhất thiết chủng.

3. Không biết được chấp thọ,

Xứ, Liễu thường cùng Xúc,

Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư;

Tương ứng chí Xả thọ.

4. Nó vô phú vô ký,

Xúc thấy cũng như thế,

Hằng chuyển như thác nước,

A-la-hán thì xả.

CHÚ THÍCH

A-lai-da thức (Alaya) : Dịch là Tàng thức. Tàng có 3 nghĩa :

1) *Năng tàng* : Thức này có công năng chứa tất cả chủng tử thiện ác, như một cái lẫm (kho) chứa hạt giống ngũ cốc.

2) *Sở tàng* : Chỗ chứa đựng. Thức này là chỗ bị chứa của những chủng tử các pháp, thí như cái lẫm là nơi bị chứa đựng ngũ cốc.

3) *Ngã ái chấp tàng* : Thức này thường bị Đệ thất thức đeo theo chấp làm tự ngã rồi khởi ra ngã ái (yêu mến cái ngã), chẳng khác nào anh chàng giữ kho, cứ lo giữ kho lúa không cho mất.

Dị thực : Dị là khác; thực là chín. Tất cả chủng tử trong A-lai-da khi hiện hành đều bị biến đổi trạng thái. Thí như hạt gạo khi nấu chín thành cơm, thì trạng thái và mùi vị đều biến đổi. Dị thực có 3 nghĩa :

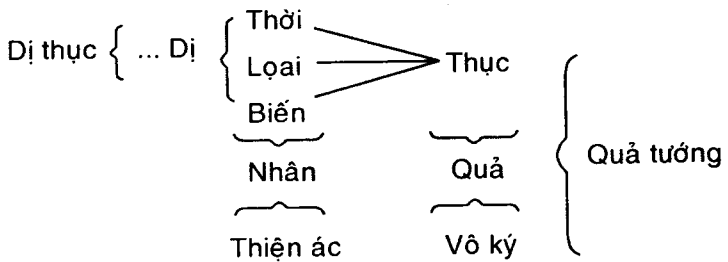
1) *Dị thời nhi thực* : Thời khác mới chín. Gây nhân ở một thời kỳ trước, đến một thời kỳ khác về sau mới thành quả chín. Thí dụ: các loại quả như quả đào chẳng hạn, sống và chín không cùng một lúc.

2) *Biến dị nhi thực* : Biến khác đi rồi mới chín. Khi kết quả chín thì quả khác hẳn nhân. Từ khi gây nhân đến khi thọ quả, tất phải theo thời gian và không gian mà biến đổi ra nhiều hình dạng khác nhau mới thành quả chín. Thế là quả chẳng giống nhân, mà

nhân cũng khác hẳn quả. Thí như trái đào, khi còn cái nụ thì nhỏ mà trắng xanh, khi chín thì lại lớn mà đỏ.

3) *Dị loại nhi thực* : Biến ra loài khác rồi mới chín. Từ quá khứ đến giờ, tạo ra bao nhiêu nghiệp thiện ác, rồi do nghiệp thiện ác này dẫn dắt thúc đẩy A-lại-da đi thọ sanh để được thân này, thì thân này chỉ là Vô ký: không phải thiện, không phải ác. Thế là Nhân thì thiện ác mà Quả lại vô ký; từ nhân đến quả đã biến ra loài khác. Như trái xoài, khi sống thì chua mà khi chín lại ngọt.

Xem lược biểu:



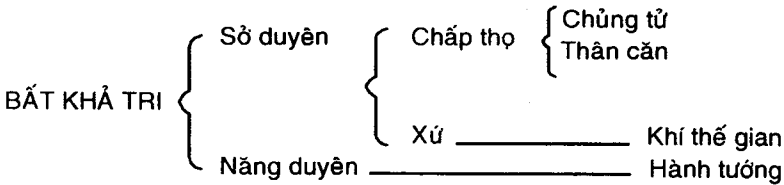
Nhất thiết chủng : Tất cả hiện hành của pháp thế và xuất thế gian, mỗi loại đều có chủng tử của tự nó, các chủng tử ấy đều chứa ở trong Đệ bát thức. Do những chủng tử chứa trong Thức này làm nhân, khởi ra hiện hành tất cả pháp là quả.

Chấp Thọ, Xứ : Đây là Cảnh sở duyên của Đệ bát thức. Chấp Thọ: Chỉ cho Chủng tử và Thân căn. Thức này có công năng giữ gìn chủng tử của các pháp và duy trì thân hữu căn để sanh ra giác thọ. Xứ: Là Khí thể

gian. Tức là toàn thể giới và chúng sanh đều do Đệ bát thức biến ra và giữ gìn không cho mất.

Liễu : Minh liễu phân biệt, thuộc về phần Năng duyên của Đệ bát thức. Vì hai phần Sở duyên và hành tướng Năng duyên của Đệ bát thức quá nhỏ nhiệm, dùng thô tâm của người đời không thể nào thấy nghe nhận biết được, nên gọi là Bất khả tri.

Xem lược biểu:



Vô ký : Không ghi nhớ, không ký định. Các pháp có thể phân làm ba tánh: Thiện tánh, Ác tánh và Vô ký tánh (phi thiện phi ác). Vô Ký có hai:

1) *Vô phú vô ký* : Không bị che lấp, không ký định là Thiện hay Ác.

2) *Hữu phú vô ký* : Có che lấp không định Thiện hay Ác.

Thí như : Mặt gương, không thể nói là Thiện hay Ác được, gọi là Vô ký. Khi mặt gương không bị bụi làm mờ ánh sáng của nó thì gọi là Vô phú vô ký; nếu mặt gương bị bụi làm mờ ánh sáng thì gọi là Hữu phú vô ký.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về Thức Năng biến thứ nhất, có ba phần chính :

- 1) Nêu tên của Thức năng biến thứ nhất
(2 câu đầu)
- 2) Nói phần duyên cảnh và những Tâm sở tương ứng với nó (4 câu giữa).
- 3) Giải thích Tánh, Tướng và cần phải tu đến quả vị nào mới bỏ được tên A-lại-da (4 câu cuối).

GIẢNG YẾU

Thức Năng biến thứ nhất có nhiều tên: Đệ bát thức, Căn bản thức v.v... nhưng ở đây chỉ nói đến ba tên là đứng trên ba trường hợp khác nhau :

1) **A-lại-da** : là đứng về *Tự tướng* (công năng) mà nói. Vì A-lại-da tự nó có công năng chứa góp tất cả chủng tử của các pháp.

2) **Đị thực** : là đứng về *Quả tướng* mà nói : Vì Căn thân và Khí giới đều là kết quả của A-lại-da.

3) **Nhất thiết chủng** : là đứng về mặt *Nhân tướng* mà nói. Vì những chủng tử chứa góp trong Đệ bát A-lại-da thức sẽ là cái NHÂN sanh ra Căn thân, Khí giới.

Thức này khi ra tạo nghiệp thường tương ứng với năm món Biến hành và Xả thọ trong ba món thọ. Thế

của nó không nhất định thiện hay ác và không bị phiền não ngăn che, nên tánh nó thuộc về *Vô phú vô ký* ; chẳng riêng gì nó mà các Tâm sở tương ưng với nó cũng thuộc về *Vô phú vô ký*.

Chúng ngoại đạo và các học thuyết khác hoặc chấp các pháp là thường còn, hoặc chấp là đoạn diệt, đều lạc vào hai lối : *Đoạn kiến* và *Thường kiến*. Nay nhà Duy thức thành lập Đệ nhất Năng biến là *Hằng chuyển*, nghĩa là từ vô thủy đến nay niệm niệm sanh diệt không hề gián đoạn; tuy không gián đoạn mà hằng chuyển biến, để phản đối lại hai lối chấp trên.

Đã *Hằng* thì không phải đoạn : phá hạng người chấp *Đoạn*; *Chuyển* thì không phải thường: phá hạng người chấp *Thường*.

Thức A-lại-da sanh diệt liên tục, nên nó là cội gốc của sanh tử, luân hồi. Người tu hành khi phá trừ được phiền não chướng đến chỗ cứu cánh, chứng được A-lai-hán quả, tức là diệt được Thức này. Ở đây diệt cái tên A-lại-da tức là phần cấu nhiễm, chứ không phải diệt Thức thể là phần chơn tịnh, tức là *Chuyển* thức thành trí. Nếu xả thức thể trở thành đoạn diệt, đồng với ngoại đạo, trái với Duy Thức học của Phật giáo vậy.

*

* *

BÀI V

- 5) 次 第 二 能 變
Thứ Đệ nhị Năng biến ,
 是 識 名 末 那
Thị Thức danh Mạt-na
 依 彼 轉 緣 彼
Y bỉ chuyển duyên bỉ
 思 量 為 性 相
Tư lương vi tánh tướng ,
- 6) 四 煩 惱 常 俱
Tứ phiền não thường câu ,
 謂 我 癡 我 見
Vị Ngã si, Ngã kiến ,
 並 我 慢 我 愛
Tịnh Ngã mạn, Ngã ái,

及 餘 觸 等 俱

Cập dư Xúc đẳng câu.

有 覆 無 記 攝

Hữu phủ Vô ký nhiếp,

隨 所 生 所 繫

Tùy sở sanh sở hệ

阿 羅 漢 滅 定

A-la-hán, Diệt định,

出 世 道 無 有

Xuất thế đạo vô hữu.

DỊCH NGHĨA

5. Hai, Đệ nhị Năng biến:
Thức này tên Mạt-na (manas).
Y kia lại duyên kia,
Tư lương làm Tánh Tướng.
6. Thường cùng bốn phiền não:
Là Ngã si, Ngã kiến,
Và Ngã mạn, Ngã ái,
Cùng Xúc thủy, các thứ...

7. **Thuộc Hữu phú Vô ký.**
Tùy hệ Lại-da sanh,
Đến: La-hán, Diệt định.
Xuất thế đạo không còn.

CHÚ THÍCH

Mạt-na (Manas) : Trung Hoa dịch là Ý. Vì nó làm chỗ nương cho Ý thức (thức thứ sáu) nên gọi là Ý CĂN. Nó thường mang các chủng tử đưa vào A-lại-da thức và đem chủng tử A-lại-da ra Sáu thức để khởi tác dụng, nên cũng gọi là Truyền tổng thức.

Y kia lại duyên kia : Chữ KIA trong câu này là chỉ cho Thức A-lại-da. Nghĩa là Đệ thất thức nương nơi A-lại-da mà sanh khởi, nhưng trở lại duyên A-lại-da chấp làm tự ngã.

Tư lương làm tánh tướng : Tánh là Thể tánh; Tướng là Tướng trạng. Thể tánh của nó là Tư lương và hiện ra Tướng trạng cũng Tư lương nên gọi là Tư lương làm Tánh tướng.

Cùng Xúc thấy các thứ : Chữ THẤY ở đây là chỉ cho: Tác ý, Thọ, Tưởng và Tư; còn chữ CÁC THỨ ... là chỉ cho các món Tùy phiền não.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

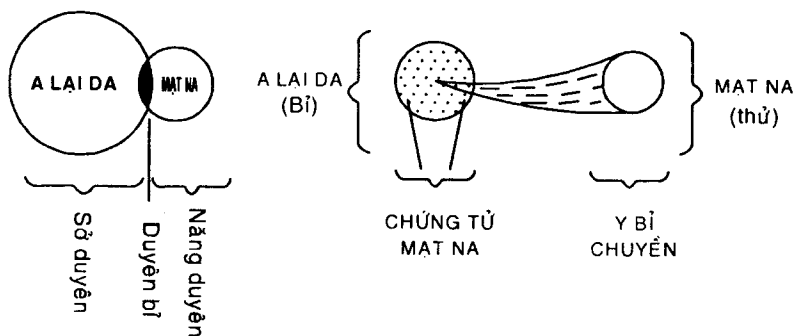
Bài này nói về Thức Năng biến thứ hai, có thể phân làm ba đoạn:

- 1) Nói tánh chất của Đệ nhị Năng biến thức (4 câu đầu).
- 2) Các tâm sở tương ưng của nó (3 câu giữa).
- 3) Tánh sở thuộc, sự tương quan với A-lại-da và quả vị đoạn thức (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Thức Đệ nhị Năng biến lấy Đệ bát thức (bỉ) làm chỗ nương tựa mới có thể sanh khởi, nhưng nó trở lại duyên Kiến phần của A lại Da chấp làm tự ngã. Chẳng khác nào cái tay từ thân sanh ra mà trở lại bảo vệ cho thân (chấp cái thân cho là cái của mình).

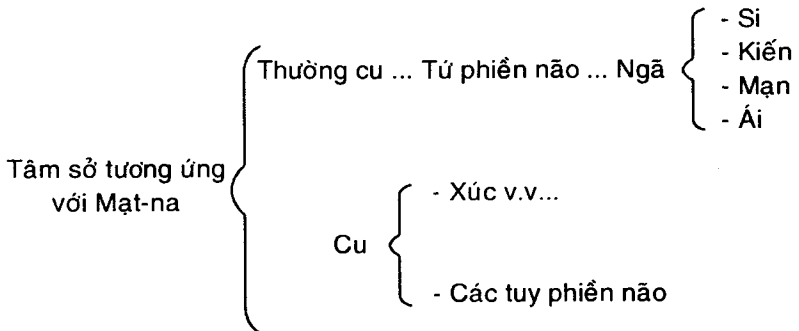
Xem lược biểu :



Thức này lấy Tư lương làm Tánh mà cũng lấy Tư lương làm Tướng. Thí dụ: Một người văn sĩ nọ, hằng ngày suy nghĩ về văn chương, ấy là *Tánh tư lương*; do suy nghĩ mà sáng tác ra văn chương, ấy là *Tướng tư lương*.

Thức này vì lúc nào cũng chấp ngã nên luôn luôn tương ứng với bốn món phiền não là: Ngã si của ngu si, Ngã kiến của chấp ngã, Ngã mạn của kiêu mạn và Ngã ái của tham ái. Ngoài bốn món phiền não trên, Mạt-na còn tương ứng với năm món Biến hành: Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, một món Huệ trong Biệt cảnh và tám món Đại tùy trong Tùy phiền não: Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín... Bất chính tri.

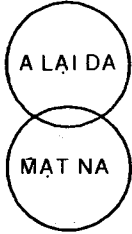
Xem lược biểu :



Thức Mạt-na vì bị bốn món phiền não che ngăn tự Thể của nó, nên đối trong ba tánh nó thuộc về *Hữu phú vô ký*. Lại như nương Đệ bát thức làm Căn mà được sanh khởi, nên tùy Đệ bát thức sanh ở cõi nào thì nó liền hệ thuộc với Đệ bát thức sanh ở cõi ấy.

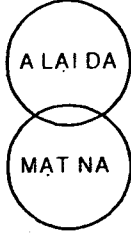
Xem lược biểu:

Sanh Vô sắc giới



Tuy hệ Vô sắc giới

Sanh Sắc giới



Tuy hệ Sắc giới

Sanh Dục giới



Tuy hệ Dục giới

- Vậy người tu hành phải đến quả vị nào mới có thể đoạn được Ngã chấp mà xả được tên Mạt-na?

- Có ba quả vị xả tên Mạt-na :

1) A-la-hán. Vì vị này xả được A-lại-da, nên Mạt-na không còn chấp ngã nữa.

2) Diệt tận định. Vì Định này Tâm và Tâm sở của Tiền thất thức đều diệt, nên phần nhiệm ô của Mạt-na và các Tâm sở cũng đều diệt.

3) Xuất thế đạo. Vì quả này được Chơn vô ngã giải và được Hậu đắc vô lậu trí, nên ngã chấp cũng không còn.

Xem lược biểu:

Ba vị không có Mạt-na	{	A-la-hán	{	Xả A-lại-da thì
				Mạt-na không chấp
		Diệt tận định	{	Tâm, Tâm sở tiến thất diệt
				Phần nhiệm Mạt-na và
				Tâm sở cũng diệt
		Xuất thế đạo	{	Được Chơn vô ngã giải
				Hậu đắc vô lậu trí phát sanh

*

* *

BÀI VI

8) 次 第 三 能 變

Thứ Đệ tam Năng biến,

差 別 有 六 種

Sai biệt hữu lục chủng,

了 境 為 性 相

Liễu cảnh vi tánh tướng,

善 不 善 俱 非

Thiện, bất thiện, câu phi.

9) 此 心 所 遍 行

Thử tâm sở Biến hành.

別 境 善 煩 惱

Biệt cảnh, thiện, phiền não,

隨 煩 惱 不 定

Tùy phiền não, Bất định;

皆 三 受 相 應

Giai tam thọ tương ứng.

DỊCH NGHĨA

8. Ba, Đệ tam Năng biến,
 Có sáu thứ sai biệt
 Liễu cảnh làm Tánh Tướng,
 Thiện, ác và câu phi.
9. Tâm sở nó : Biến hành,
 Biệt cảnh, Thiện, Phiền não,
 Tùy phiền não, Bất định;
 Tương ứng cả ba Thọ.

CHÚ THÍCH

Câu phi : Phi thiện và phi ác, tức là Vô ký tánh.

Biến hành : Đi khắp, Tâm sở này đi khắp cả bốn nơi, nên gọi là Biến hành. Bốn nơi là:

- 1) Tất cả thời : Quá khứ, Hiện tại và Vị lai.
- 2) Tất cả chỗ : Chín địa và Ba cõi.
- 3) Tất cả tánh: Thiện, Ác và Vô ký tánh.
- 4) Tất cả thức : Tám thức tâm Vương.

Biệt cảnh : Cảnh sở duyên của những Tâm sở này khác nhau và khi duyên cảnh không đồng một thời. Cảnh sở duyên của chúng có năm:

- 1) Cảnh đáng ưa,
- 2) Cảnh quyết định,
- 3) Cảnh quen thuộc,
- 4) Cảnh chuyên nhất,
- 5) Cảnh sở quán,

Xem lược biểu :

BIỆT CẢNH	{	Dục ... Thắng giải ... Niệm ... Định ... Huệ ...	{	Đáng ưa Quyết định Quen thuộc Chuyên nhất Sở quán
		⏟		⏟
		Tâm sở ...		Biệt cảnh

Bất định : Bất định thiện và bất định ác.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về thức Đệ tam Năng biến, có thể phân làm hai đoạn:

- 1) Nói tánh chất của Đệ tam Năng biến.
- 2) Nói những tâm sở tương ứng với nó (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Thức Đệ tam Năng biến có sáu thứ khác nhau:

- | | |
|--------------|---------------|
| 1) Nhân thức | 4) Thiệt thức |
| 2) Nhĩ thức | 5) Thân thức |
| 3) Tỷ thức | 6) Ý thức |

Đệ nhất và Đệ bát thức cũng đều có Liễu biệt, nhưng chỉ liễu biệt cảnh tế, còn Sáu Thức này thì liễu biệt cảnh thô. Nghĩa là Sáu Thức này thiên về phần liễu cảnh nhiều hơn, nên trong bài tụng gọi là “Liễu

cảnh làm Tánh Tướng”, Tánh tức là phần Thể, còn Tướng tức là phần Dụng. Thí như: Mặt trăng tự nó là sáng, ấy thuộc về phần Tánh (thể), mặt trăng lại hay chiếu sáng mọi vật, ấy là phần Tướng (dụng).

Mặt trăng sáng là dụ cho Bản Thể của Sáu Thức; còn sự chiếu soi là dụ cho tác dụng của Sáu Thức.

Sáu Thức này thông cả ba tánh, nghĩa là cảnh thiện, cảnh ác và cảnh phi thiện phi ác, chúng đều duyên cả.

Sáu thức này tương ứng với tất cả 51 món Tâm sở. Năm mươi một món tâm sở, có chia ra làm sáu vị là:

1) Biến hành, có	5
2) Biệt cảnh, có	5
3) Thiện, có	11
4) Căn bản phiền não, có	6
5) Tùy phiền não, có	20
6) Bất định, có	4

Tổng cộng là 51

*

* *

BÀI VII

10) 初 遍 行 觸 等

Sơ Biến Hành : Xúc Đẳng.

次 別 境 謂 欲

Thứ Biệt cảnh vị Dục,

勝 解 念 定 慧

Thắng giải, Niệm, Định, Huệ.

所 緣 事 不 同

Sở duyên sự bất đồng.

11) 善 謂 信 慚 愧

Thiện vị Tín, Tàm, Quý

無 貪 等 三 根

Vô tham đẳng tam căn

勤 安 不 放 逸

Cần, An, Bất phóng dật,

行捨及不害

Hành xả cập Bất hại.

12) 煩惱謂貪瞋

Phiền não vị Tham, Sân,

癡慢疑惡見

Si, Mạn, Nghi, Ác kiến

DỊCH NGHĨA

10. Trước, Biến hành: Xúc thấy...
Kế Biệt cảnh là: Dục,
Thắng giải, Niệm, Định, Huệ
Cảnh Sở duyên chẳng đồng.

11. Thiện là: Tín, Tàm, Quý.
Vô tham thấy... ba căn,
Căn, An, Bất phóng dật,
Hành xả và Bất hại.

12. Phiền não là: Tham, Sân,
Si, Mạn, Nghi, Ác kiến

CHÚ THÍCH

Biến hành : Có 5:

1) *Xúc* : Tiếp xúc. Do Căn, Cảnh, Thức hòa hiệp.

- 2) *Tác ý* : Móng tâm. Dẫn tâm đến cảnh.
- 3) *Thọ* : Lãnh thọ. Dung nạp những cảnh: thuận, nghịch, câu phi.
- 4) *Tưởng* : Tưởng tượng. Đối với cảnh đã qua giữ lấy cái hình dáng trong Tâm thức.
- 5) *Tư* : Tạo tác. Khiến tâm tạo tác vật mà mình đã thấy.

Biệt cảnh : Có 5:

- 1) *Dục* : Mong muốn. Đối với cảnh sở thích sanh lòng mong muốn.
- 2) *Thắng giải* : Đối với cảnh quyết định nện biết rõ ràng.
- 3) *Niệm* : Đối với cảnh quen thuộc, ghi nhớ không quên.
- 4) *Định* : Đối với cảnh chuyên nhất, tâm không tán loạn.
- 5) *Huệ* : Đối với cảnh Sở quán, giản trạch phân minh.

Thiện: có 11:

- 1) *Tin* : Tín chịu. Đối với Phật pháp, chơn lý khởi lòng tin chơn chánh.
- 2) *Tàm* : Thẹn lấy mình.
- 3) *Quý* : Hồ với người.
- 4) *Vô tham* : Không thèm muốn. Đối với cảnh đáng ưa, không sanh tâm tham ái.

- 5) *Vô sân* : Không giận dữ. Đối với những việc trái ý, không tức giận hành hung.
- 6) *Vô si* : Không u mê. Đối với sự lý các pháp không có tâm ngu muội. Vô tham, Vô sân và Vô si cũng gọi là Tam thiện căn, nên lời tụng nói là: “Vô tham đẳng tam căn”.
- 7) *Căn* : Tĩnh tấn (siêng năng). Đối với việc đoạn ác tu thiện, siêng năng không sút lùi.
- 8) *Khinh an* : Nhẹ nhàng an tĩnh, tâm sở này khiến cho thân tâm được nhẹ nhàng khoan khoái.
- 9) *Bát phóng dật* : Không buông lung. Đối với việc dứt ác làm lành, lòng chẳng dám buông lung.
- 10) *Hành xả* : Làm rồi không tham trước. Đối với tất cả việc phúc thiện đã làm không sanh lòng tham nhiễm, khiến cho tâm bình đẳng an trụ mà không còn dụng công.
- 11) *Bát hại* : Không tổn hại. Đối với tất cả chúng sanh không để tâm làm hại.

Phiền não : có 6 thứ:

- | | | |
|---|---|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1) <i>Tham</i> 2) <i>Sân</i> 3) <i>Si</i> | } | <p>Ba thứ tâm sở này trái với ba thứ thiện căn ở trước. Trong Kinh thường gọi nó là Tam độc.</p> |
|---|---|--|
- 4) *Mạn* : Ngã mạn. Tự ý vào tài lực khinh khi kẻ khác (Mạn có 7 thứ).

- 5) *Nghi* : Ngờ vực. Đối với chơn lý, nhân quả, luân hồi, nghi ngờ không tin.
- 6) *Ác kiến* : Kiến giải tà ác, bất thiện. Chỗ thấy biết sự vật, sai với sự thật. Đây lại khai ra làm 5 thứ là: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ và Giới cấm thủ (Sáu thứ phiền não này nếu khai Ác kiến ra làm năm thứ gọi là Thập sử).

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói những Tâm sở tương ứng với Đệ tam Năng biến, có thể chia làm 3 đoạn:

- 1) Nói về năm món Biến hành và năm món Biệt cảnh (4 câu đầu).
- 2) Nói 11 món Thiện (4 câu kế).
- 3) Nói 6 món Căn bản phiền não (2 câu cuối).

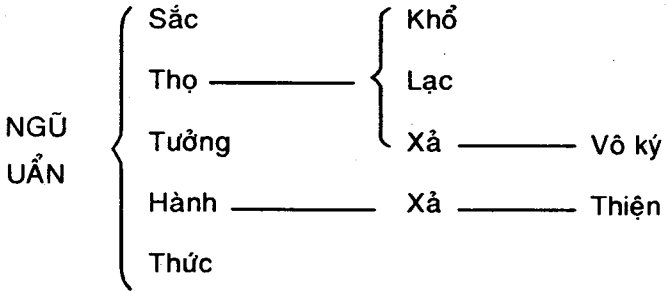
GIẢNG YẾU

Trong 51 món Tâm sở, 11 món Thiện đối với kẻ tu hành, nó là những người bạn tốt, chẳng khác nào nước có lương thần, chủ có tứ trung. Ngoài ra còn có 5 món Biệt cảnh cũng là những Tâm sở quan trọng trong việc đoạn ác tu thiện. Còn 5 món Biến hành thì chỉ là những kẻ trung lập: gặp trường hợp tốt thì chúng cũng hòa theo làm điều tốt, mà gặp trường hợp xấu thì chúng cũng a dua làm điều xấu.

Ta nên chú ý: Hành xả trong 11 món Tâm sở thiện, chính là Xả thuộc Hành uẩn trong ngũ uẩn, chứ

không phải Xả của Thọ uẩn. Vì Xả trong 11 món thiện thuộc về thiện pháp còn xả trong Thọ uẩn thuộc về Vô ký tánh.

Xem lược biểu :



Hành giả ở đây, thí dụ như người đi đường; quyết phải bỏ một bước ở sau mới có thể bước tới trước một bước. Cũng thế, khi làm việc lành, có quên đi việc mà mình đã làm trước kia thì mới có thể làm được việc lành khác nữa vậy.

*

* *

BÀI VIII

隨 煩 惱 謂 忿

Tùy phiền nảo vị phẫn

恨 覆 惱 嫉 慳

Hân, Phú, Nảo, Tật, Xan,

13) 誑 諂 與 害 憍

Cuống, Siểm dữ Hại, Kiêu,

無 慚 及 無 愧

Vô tàm cập Vô quý,

掉 舉 與 惛 沈

Trạo cử dữ Hôn trầm,

不 信 並 懈 怠

Bất tín tịnh Giải đãi,

14) 放 逸 及 失 念

Phóng dật cập Thất niệm,

散 亂 不 正 知

Tán loạn, Bất chánh tri

不 定 謂 悔 眠

Bất định vì Hối, Miên

尋 伺 二 各 二

Tâm, Từ nhị các nhị

DỊCH NGHĨA

Tùy phiền não là: Phẫn,

Hận, Phú, Nảo, Tật, Xan,

13. Cuống, Xiểm cùng Hại, Kiêu,

Vô tà và Vô quý

Trạo cử với Hôn trầm,

Bất tín và Giải đãi,

14. Phóng dật cùng Thất niệm,

Tán loạn, Bất chánh tri.

Bất định là: Hối, Miên,

Tâm, Từ thông nhiếp tịnh.

CHÚ THÍCH

Tùy phiền não : Phiền não tùy thuộc. Có 20 món, hai mươi món phiền não này từ Căn bản phiền não mà phát sanh, nên gọi là Tùy phiền não.

- 1) *Phẫn* : Phẫn nộ (giận dữ).
- 2) *Hận* : Uất hận (tức tối).
- 3) *Phú* : Che giấu.
- 4) *Não* : Náo loạn (bút rứt).
- 5) *Tật* : Ganh ghét.
- 6) *Xan* : Bỏn sẻn.
- 7) *Cuống* : Giả trá.
- 8) *Xiểm* : Dua nịnh.
- 9) *Hại* : Tổn hại.
- 10) *Kiêu* : Kiêu căng.
- 11) *Vô tâm* : Không thiện.
- 12) *Vô quý* : Không hổ.
- 13) *Trạo cữ* : Không yên.
- 14) *Hôn Trâm* : Mờ ám trầm trọng.
- 15) *Bất tín* : Không tin.
- 16) *Giải đãi* : Biếng nhác.
- 17) *Phóng dật* : Buông lung.
- 18) *Thất niệm* : Không ghi nhớ (mất chánh niệm).
- 19) *Tán loạn* : Rối loạn (lưu dãng).
- 20) *Bất chánh tri* : Biết không chơn chánh.

Bất định : Bốn món tâm sở: Hối, Miên, Tâm và Từ nó không nhất định thiện hay ác; gặp cảnh tốt thì nó tốt, gặp cảnh xấu thì nó xấu, nên gọi là Bất định.

- 1) *Hối* : Ăn năn, cũng gọi là ố tác.
- 2) *Miên* : Ngủ nghỉ.
- 3) *Tâm* : Suy tìm.
- 4) *Từ* : Nghiệm xét.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này tiếp nối những Tâm sở tương ứng với Thức Đệ tam Năng biến, có thể phân làm hai:

- 1) Nói 20 món Tùy phiền não (8 câu đầu).
- 2) Nói 4 món Bất định (2 câu cuối).

GIẢNG YẾU

Trong 20 món Tùy phiền não, người ta căn cứ theo phạm vi sanh khởi rộng hẹp mà chia ra làm ba loại như sau:

- 1) Nếu mỗi tâm tự nó không khởi riêng biệt, nghĩa là tự loại không cùng sanh khởi, thì gọi là Tiểu tùy.
- 2) Nếu tự loại cùng khởi, lại đi khắp tâm bất thiện, trường hợp này phạm vi hơi rộng, nên gọi là Trung tùy.
- 3) Nếu các tâm sở có những đặc tánh là tự loại cùng sanh khởi, đi khắp các tâm sở bất thiện và Hữu phú vô ký, gọi là Đại tùy.

Trong đây, từ 1 đến 10 là Tiểu tùy; từ 11 đến 12 là Trung tùy; từ 13 đến 20 là Đại tùy.

BÀI IX

15) 依止根本識

Y chỉ Căn bản thức,

五識隨緣現

Ngũ thức tùy duyên hiện,

或俱或不俱

Hoặc câu hoặc bất câu,

如波濤依水

Như ba dào y thủy.

16) 意識常現起

Ý thức thường hiện khởi,

除生無想天

Trừ sanh Vô Tưởng Thiên

及無心二定

Cập vô tâm nhị định

睡眠與悶絕

Thùy miên dữ muộn tuyệt.

DỊCH NGHĨA

15. Nương nhờ Căn bản thức
 Năm Thức tùy duyên hiện,
 Hoặc chung hoặc chẳng chung,
 Như ba đào y nước.

16. Ý thức thường hiện khởi,
 Trừ sanh trừ Vô Tướng,
 Và hai Định vô tâm,
 Ngủ say cùng chết giấc (giả).

CHÚ THÍCH

Căn bản thức : Tức là Thức thứ tám. Vì Thức này là nơi nương tựa của Tiền thất thức, nên gọi là Căn bản thức.

Hai Định vô tâm : Tức là Vô tướng định và Diệt tận định.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về phạm vi hiện khởi của Tiền thất thức. Có hai phần:

1) Nói sự sanh khởi gián đoạn của Tiền ngũ thức (4 câu đầu).

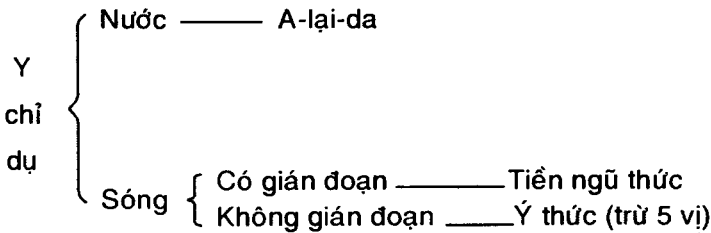
2) Nói sự thường sanh khởi của Ý thức (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Tiền lục thức sanh khởi, mỗi thức tùy theo phận vị của nó, nên có sự bất đồng. Nhưng chúng đều lấy Đệ bát thức làm căn bản.

Riêng về Tiền ngũ thức thì: Trong nương nhờ Căn bản thức, ngoài tùy theo các duyên: Tác ý, Căn và Cảnh mà được hiện khởi. Nếu duyên đủ thì Năm Thức cùng hiện khởi, nếu duyên thiếu thì Năm Thức không cùng hiện khởi. Chẳng khác nào như sóng y nơi nước: lúc nhô lên, lúc lặn xuống.

Xem lược biểu :



Duy có Đệ lục thức đối với các duyên dễ đủ nên nó thường hiện khởi; chỉ trừ ra năm vị Ý thức không có hiện khởi là:

1) Vô Tướng Thiên: Vì do nhầm chán Tướng mà sanh lên cõi Trời này, nên Ý thức không hiện nữa.

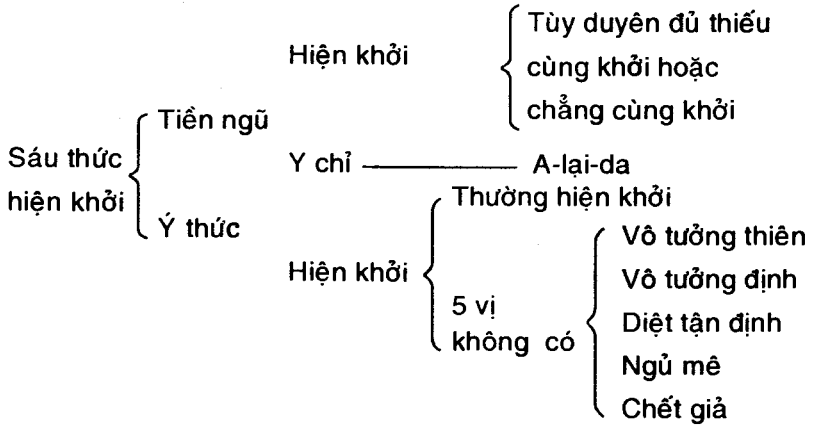
2) Vô Tướng Định: Vì diệt trừ được Tiền lục thức mà nhập định này, nên Ý thức không hiện.

3) Diệt Tận Định: Do diệt hết phần hiện hành của Tiền thất thức mà nhập định này, nên cũng không còn Ý thức hiện khởi nữa.

4) Khi ngủ mê không chiêm bao.

5) Khi chết giấc.

Trong hai trường hợp này, Ý thức cũng không xuất hiện. Xem lược biểu :



*

* *

BÀI X

唯識成立之理由
Duy thức thành lập chi lý do.

17) 是諸識轉變

Thị chư Thức chuyển biến

分別所分別

Phân biệt, Sở phân biệt,

由此彼皆無

Do thứ bị giai vô,

故一切唯識

Cố nhất thiết Duy thức.

18) 由一切種識

Do Nhất thiết chủng thức,

如是如是變

Như thị như thị biến,

以展轉力故

Dĩ triển chuyển lực cố,

彼彼分別生

Bỉ bỉ phân biệt sanh.

19) 由諸業習氣

Do chư nghiệp tập khí,

二取習氣俱

Nhị thủ tập khí câu.

前異熟既盡

Tiền dị thục ký tận

復生餘異熟

Phục sanh dư dị thục

DỊCH NGHĨA

Lý do thành lập Duy Thức

17. Là các Thức chuyển biến,
Phân biệt, Sở phân biệt,
Do đây, kia đều không,
Nên tất cả: Duy Thức.

18. Do Thức nhưt thiết chủng.

Như thế, như thế biến,
 Vì do sức triển chuyển,
 Các thứ phân biệt sanh.

19. Do các nghiệp tập khí

Cùng hai thủ tập khí,
 Dị thực trước dứt rồi
 Dị thực sau lại sanh.

CHÚ THÍCH

Các thức : Chỉ cho Tám Thức ba món Năng biến.

Chuyển biến : Tức là Tám Thức và Tâm sở tương ưng đều có thể biến thành hai phần Kiến tướng.

Các nghiệp tập khí : Là Phước nghiệp, Phi phước nghiệp và Bất động nghiệp.

Phước nghiệp : Thiện nghiệp ở Dục giới, cảm sanh cái quả đáng ưa, làm lợi ích loài hữu tình.

Phi phước nghiệp : Bất thiện nghiệp ở Dục giới, cảm sanh cái quả không đáng ưa, làm tổn hại loài hữu tình.

Bất động nghiệp : Thiện nghiệp ở hai cõi Sắc và Vô sắc, cảm sanh được quả bền vững lâu dài không thể phá hoại được, gọi là Bất động nghiệp.

Hai thủ tập khí :

1) *Kiến thủ* : Chúng hữu tình đều chấp lấy Kiến phần làm tự ngã (ngã chấp).

2) *Tướng thủ* : Chúng hữu tình chấp Tướng phần của Thức cho là thật có (pháp chấp). Tập Khí: Tức là Chủng tử.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói những nguyên do thành lập Duy thức, có 3 lý do:

1) Năng phân biệt và Sở phân biệt chỉ là Thức biến, không thật có, nên Duy Thức được thành lập (4 câu đầu).

2) Các thứ PHÂN BIỆT cũng do Chủng tử nội thức biến ra, không phải ngoài thức, nên thành lập Duy thức (4 câu giữa).

3) Chúng hữu tình có sanh tử tương tục cũng do các Nghiệp Tập khí và hai Thủ Tập khí chứa góp trong Nội Thức. Nên thành lập Duy Thức (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

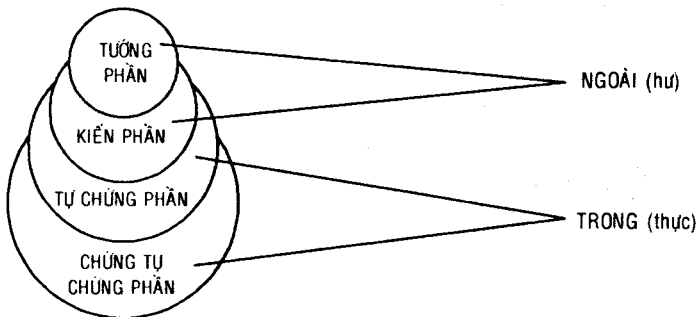
Bài này Luận chủ đưa ra những lý do thành lập Duy thức:

1) **Lời hỏi về lý do thứ nhất** : Đã phân biệt rõ ràng Tướng của ba món *Năng biến* là hai phần Sở biến của tự chứng phần Sở y rồi, nhưng làm sao biết được : *Ngã Pháp* ý nơi Thức biến ra chỉ là giả nói, chẳng phải thật có, mà bảo rằng: “Tất cả duy có Thức?”.

Luận chủ nói bài tụng (4 câu đầu) để đáp lời hỏi trên rằng: “Do trước nói ba món Năng biến thức đều từ nơi Tự thể chuyển biến ra Kiến tướng hai phần. Kiến phần gọi là Năng phân biệt. Tướng phần gọi là Sở phân biệt. Tướng phần Sở phân biệt chính là sơn hà, đại địa v.v... còn Kiến phần Năng phân biệt chính là cái tác dụng nhận biết được sơn hà, đại địa v.v... Do vì sơn hà, đại địa và cái tác dụng nhận biết được sơn hà, đại địa này đều từ nơi Thức chuyển biến, nên biết rằng Ngã tướng, Pháp tướng giả nói kia hoàn toàn không có. Vì thế mới nói rằng: “Tất cả chỉ có thức”. Đây là lý do thứ nhất thành lập Duy thức.

Trong tám Thức Tâm vương và năm mươi một món Tâm sở, mỗi cái đều gồm có 4 phần:

Xem lược biểu :



1) **Kiến phân**: Tức là tác dụng Năng kiến.

2) **Tướng phân**: Tức là sơn hà đại địa Sở phân biệt.

3) *Tự chứng phần*: Tức là phần kiểm soát Kiến phần coi có lầm lộn hay không.

4) *Chứng tự chứng phần*: Phần này kiểm soát lại phần Tự chứng đồng thời nó cũng tự kiểm soát lấy mình, nên không thành lập phần thứ năm nữa.

Ở đây xin đưa ra một thí dụ: Có hai người muốn cùng nhau buôn bán: Anh A xuất tiền, anh B ra công, rồi cùng nhau làm một tờ giao kèo có ghi rõ kẻ ra của người ra công. Sau thời gian hai anh bất hòa nhau đi kiện tới quan, ông quan căn cứ theo tờ giao kèo mà xét xử.

Xem lược biểu :

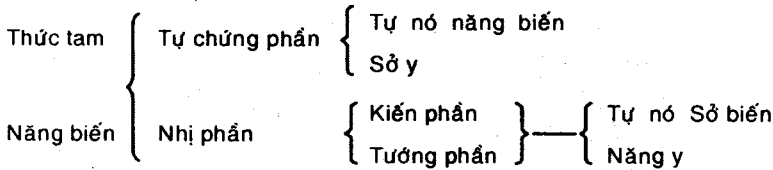
Bốn phần	{	Tướng phần	{	Pháp Sơn hà đại địa
			{	Dụ A xuất tiền
	{	Kiến phần	{	Pháp Tác dụng hay phân biệt núi ...
			{	Dụ B ra công
{	{	Tự chứng phần	{	Pháp Hai phần Sở y lại duyên lấy Kiến phần
			{	Dụ Tờ giao kèo của A và B đồng đứng
{	{	Chứng tự chứng	{	Pháp Hay duyên nơi Chứng tự chứng.
			{	Dụ Ông quan xử việc

Theo thí dụ trên thì: Anh A xuất tiền là công việc có hình tướng, dụ cho *Tướng phần* ; anh B ra công

không có hình tướng, dụ cho Kiến phần, từ giao kèo chứng minh công việc làm của hai người, dụ cho *Tự chứng phần* ; còn công việc lờn thôi đem đến quan nhờ xét xử, ông quan dụ cho *Chúng tự chứng phần*.

Trước đã rộng nói cái Tướng của ba món Năng biến, tức là hai phần Kiến tướng y nơi Tự chứng phần biến ra, nên hai phần Kiến tướng là Năng y mà Tự chứng phần là Sở y. Tự chứng phần thí dụ như cái đầu của con ốc trâu mọc ra hai cái vòi. Hai cái vòi khi ẩn khi hiện, dụ cho hai phần Kiến tướng có sanh diệt; còn cái đầu con ốc trâu thường còn không có ẩn hiện, dụ cho cái thể của Tự chứng phần không sanh diệt.

Xem lược biểu:



2) Lời hỏi về lý do thứ hai : Nếu nói rằng chỉ có Thức, ngoài ra không có cảnh duyên nào khác thì do đâu mà thế gian có sanh ra các thứ phân biệt ?

Để trả lời câu hỏi trên, Luận chủ nói bài tụng (4 câu giữa) đáp rằng: “Do Thức Nhất thiết chủng tức là Đệ bát A-lại-da hàm chứa tất cả chúng tử, từ nơi chủng tử này khởi ra hiện hành tất cả pháp (Tiền thất thức) rồi mỗi Thức mới chuyển biến sanh ra Kiến phần và Tướng phần. Thế là Kiến phần và Tướng phần cũng chỉ do Thức biến, nên thành lập Duy thức”.

Trong bài tụng giữa trùng điệp hai lần: “Nhu thể như thể”, là để biết rằng từ nói lúc Sanh vị chuyển lần đến Thục vị, chủng tử trải qua nhiều lần biến.

Thí như: Nhĩ thức nhờ có chủng tử, nên khi gặp các duyên: Căn, Cảnh, Tác ý mà khởi ra Kiến Tướng phần để nghe tiếng. Cái kết quả nghe tiếng như thế là từ nơi chủng tử được trợ duyên sanh ra Kiến Tướng phần, thứ lớp lần lần thành thục, tức gọi là *Nhu thể biến* lần thứ nhất, khi ấy, nếu có chủng tử ưa thích, thì liền theo Nhĩ thức tâm vương mà khởi ra hiện hành, cũng lại sanh ra Kiến Tướng phần để nghe những âm thanh ưa thích đó. Cái kết quả nghe tiếng ưa thích như thế là do Tâm vương, Tâm sở tương ưng lần lần thứ lớp thành thục, ấy là *Nhu thể biến* lần thứ hai.

Tóm lại, *Nhu thể biến* lần thứ nhất chỉ mới nghe tiếng, chưa khởi ra phân biệt, *Nhu thể biến* lần thứ hai thì có các thứ phân biệt ưa thích v.v... Như thế đều do sức triển chuyển biến hiện ra.

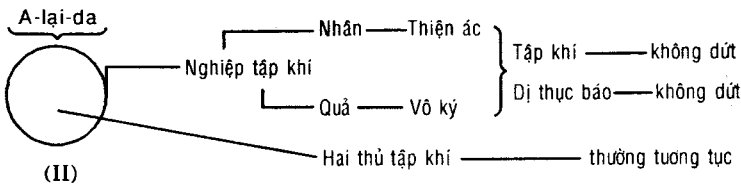
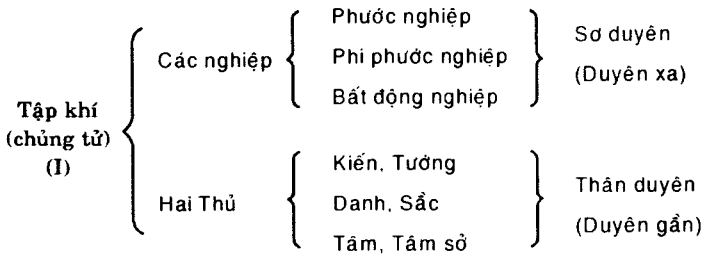
Triển chuyển : Là tám món Hiện hành thức và tâm sở tương ưng của nó, mỗi phần Kiến tướng đều có sức hỗ trợ cho nhau để biến khởi ra tất cả cảnh giới thế gian mà sanh ra các thứ phân biệt không đồng.

3) **Lời hỏi về lý do thứ ba** : “Mặc dù có Nội Thức, nhưng nếu không có ngoại cảnh, sao hiện tại thấy hữu tình có sanh tử tương tục?”.

Để đáp lời hỏi, Luận chủ nói bài tụng (4 câu cuối) trả lời rằng: Do các Nghiệp tập khí làm sơ duyên và

hai Thủ tập khí làm thân duyên đều từ trong Tạng thức tương tục không dứt, lại có công năng sanh khởi ra các Dị thực báo thể (sắc thân) nên chúng hữu tình hễ bỏ một sắc thân này thì lại thọ lấy một sắc thân khác nữa. Vì tuy sắc thân này chết rồi, nhưng các Nghiệp tập khí và hai Thủ tập khí do sắc thân đó gây tạo lại huân chứa vào Tạng thức để sanh ra sắc thân sau nữa, vì thế mà có sanh tử nối nhau không dứt. Sự sanh tử tiếp nối này cũng chỉ do Thức mà ra, nên thành lập Duy thức.

Xem lược biểu (I) và (II) :



Trường hợp này, thí dụ như người có thói quen viết chữ: Khi chưa viết thì thói quen ấy nó ẩn tàng trong tay không thể thấy được, gọi là chủng tử, đến khi viết,

do thói quen trước kia mà có thể viết ra chữ: Khi chữ đã viết này mất đi, nhưng thói quen (chủng tử) viết chữ vẫn còn, nên có thể tiếp tục viết được nhiều lần.

*

* *

BÀI XI

三自性

TAM TỰ TÁNH

20) 由 彼 彼 遍 計
Do bi bi biến kế,
 遍 計 種 種 物
Biến kế chủng chủng vật,
 此 遍 計 所 執
Thử Biến kế sở chấp,
 自 性 無 所 有
Tự tánh vô sở hữu

21) 依 他 起 自 性
Y tha khởi tự tánh
 分 別 緣 所 生
Phân biệt duyên sở sanh;

圓成實於彼

Viên thành thật ư bỉ

常遠離前性

Thường viễn ly tiền tánh.

22) 故此與依他

Cố thử dữ Y tha

非異非不異

Phi dị phi bất dị.

如無常等性

Như vô thường đẳng tánh,

非不見此彼

Phi bất kiến thử bỉ.

DỊCH NGHĨA

BA TỰ TÁNH

20. Do các thứ Biến kế,
Biến kế các thứ vật,
Biến kế sở chấp này,
Nó không có tự tánh.

21. Y tha khởi tự tánh,
Do phân biệt sanh ra,
Viên thành thật từ nó,
Thường xa lìa tánh trước,

22. Nên nó và Y tha,
Chẳng phải khác mà khác.
Như tánh vô thường thấy...
Thấy đây mới thấy kia.

CHÚ THÍCH

Biến kế sở chấp : Biến kế là: Cùng khắp so đo, suy xét; sở chấp là: cho điều mình so đo suy xét là đúng. Biến kế sở chấp là điều so đo chấp trước sai lầm, vật không cho là có, vật hư cho là thật. Như ban đêm thấy sợi dây cho là con rắn.

Y tha khởi : Nương vào cái khác mà sanh khởi, tức là do nhiều nhân duyên mà có. Như sợi dây, tự thể của nó không có, chỉ nhờ có công thợ và từng sợi xơ dũa kết lại mà thành.

Viên thành thật : Viên mãn, thành tựu và chơn thật.

Đây tức là Chơn như tánh, Tánh này từ trên Y tha khởi thường xa lìa tánh Biến kế mà có.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về ba Tự tánh, để giản trạch các pháp chơn vọng. Có 2 phần:

- 1) Nói rõ ba thứ Tự tánh (8 câu đầu).
- 2) Sự liên hệ của ba Tự tánh (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Từ trước đến đây tuy đã hiểu rằng: “Tất cả chỉ có Thức”, nhưng thấy rải rác trong các Kinh, Đức Phật có nói đến ba Tự tánh, nên người ta còn nghi ngờ mà hỏi rằng: “Đã biết chỉ có Thức sao lại thấy trong các Kinh Đức Thế Tôn có nói đến ba thứ Tự tánh là:

- Biến kế sở chấp Tự tánh,
- Y tha khởi Tự tánh.
- Viên thành thật Tự tánh.

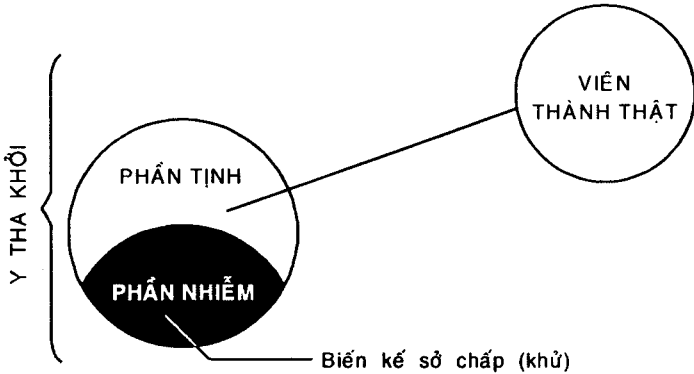
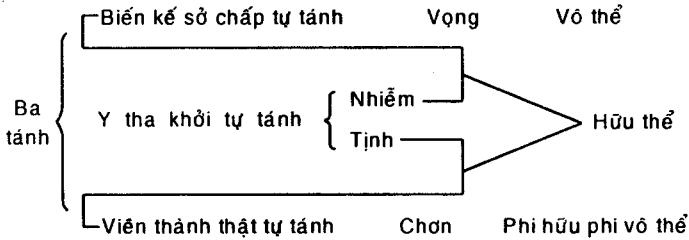
Luận chủ đáp câu hỏi trên bằng ba bài tụng để vừa giải thích vừa trả lời rằng: Ba Tự tánh mà Đức Phật nói đó cũng không ngoài Thức:

- Biến kế sở chấp tự tánh chỉ là vọng tưởng phân biệt, nhận Y tha một cách sai lầm, nó hoàn toàn không thật có, chẳng khác nào “lông rùa, sừng thỏ”. Như ban đêm nhận sợi dây là con rắn. Con rắn đó hoàn toàn do lầm sợi dây tưởng tượng mà ra, chứ sự thật không phải là con rắn.

- Y tha khởi tự tánh có hai phần : *Nhiễm* và *Tịnh*. Chúng ta chỉ nhận thấy phần *Nhiễm* tức là Biến kế sở chấp, nếu chúng ta rời bỏ phần *Nhiễm* nhận thức phần *Tịnh*, thì *Y tha khởi Tự tánh* bấy giờ là *Viên thành thật Tự tánh*. Nghĩa là:

- Viên thành thật tự tánh do từ trên Y tha khởi xa
lìa tánh Biến kế sở chấp.

Xem lược biểu:

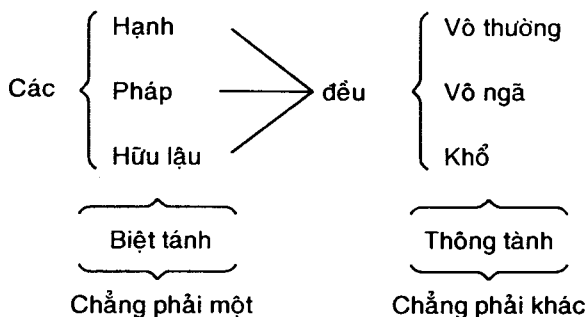


Do đó mà Viên thành thật tánh cùng với Y tha khởi có thể nói: *Chẳng phải khác*, như cái Thể của sóng chính là nước; nhưng cũng có thể nói là *Khác*, như cái Tượng của sóng chẳng phải là cái tướng của nước. Nên trong bài tụng nói rằng: “Chẳng phải khác mà khác”.

Và thí như tánh vô thường v.v... Trong các Kinh nói: “Tất cả pháp đều là Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, ấy là tánh chung. Ngoài những tánh chung ấy, tất

cả pháp như: núi, sông, cây cỏ vẫn còn có tánh riêng. Nếu căn cứ trên tánh chung thì các pháp *chẳng phải khác*, nhưng căn cứ trên tánh riêng thì các pháp *chẳng phải chẳng khác*. Nên trong bài tụng nói: “Như tánh vô thường v.v...”

Xem lược biểu:



Trong bài tụng có câu: “Phi bất kiến thử bỉ”, vì theo thể văn bài tụng nên có hơi tối nghĩa. Chính câu ấy phải viết: “Phi bất năng kiến thử nhi năng kiến bỉ”. Nghĩa là: Chẳng phải chẳng thấy được tánh Viên thành thật này mà có thể thấy được Tánh Y tha khởi kia. Chính là phải ngộ được Tánh Viên thành thật mới nhận được Tánh Y tha khởi.

Vì lẽ trên, chẳng những Phật pháp phải như vậy mà ngay nơi thế pháp là Y tha khởi, nếu chẳng cố công tu hành để chứng ngộ được Viên thành thật thì chắc chắn không bao giờ nhận được các Pháp duyên sanh (Y tha khởi) vậy.

BÀI XII

三 無 性

TAM VÔ TÁNH

23) 即 依 此 三 性

Tức y thử tam tánh,

立 彼 三 無 性

Lập bỉ tam vô tánh

故 佛 密 意 說

Cố Phật mật ý thuyết :

一 切 法 無 性

Nhất thiết pháp vô tánh.

24) 初 即 相 無 性

Sơ tức tướng vô tánh,

次 無 自 然 性

Thứ vô tự nhiên tánh,

後由遠離前

Hậu do viễn ly tiền:

所執我法性

Sở chấp ngã pháp tánh.

25) 此諸法勝義

Thử chư pháp thắng nghĩa,

亦即是真如

Diệc tức thị chân như,

常如其性故

Thường như kỳ tánh cố,

即唯識實性

Tức Duy thức thật tánh.

DỊCH NGHĨA

BA VÔ TÁNH

23. Tức y ba Tánh này,
Lập ba Vô tánh kia,
Nên Phật mật ý nói :
Tất cả Pháp Vô tánh.

24. Trước là Tướng vô tánh,
Kế, Vô tự nhiên tánh
Sau, do lia tánh trước:
Là tánh chấp ngã pháp.
25. Các pháp Thắng nghĩa này
Cũng tức là Chơn như,
Vì tánh nó Thường như,
Tức Thật Tánh Duy Thức.

CHÚ THÍCH

Tướng vô tánh : Các pháp Biến kế sở chấp là do tâm chấp trước, mê lầm mà ra, không có thể tướng chơn thật, tánh nó vốn không.

Vô tự nhiên tánh : Tức là không có tánh tự nhiên, cũng gọi là Sanh vô tánh. Các pháp Y tha khởi là do nhiều nhân duyên sanh ra, không phải tự nhiên mà có được. Vì nhiều nhân duyên sanh, nên nó không có tự tánh.

Thắng nghĩa vô tánh : Tánh này sau khi chứng được Ngã không và Pháp không, vượt ngoài các tình chấp, xa lia các tướng trạng, tức xa lia tánh chấp Ngã và Pháp của Biến kế mà nhận được Tánh Viên thành thật, gọi đó là Thắng nghĩa. Vì Viên thành thật tánh này, nó không có “tánh chấp Ngã pháp” mà cái “không có tánh chấp Ngã pháp” kia cũng không, nên gọi là *Vô tánh*. Đây chính là Chơn như phi hữu phi vô vậy.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này Luận chủ nói ba thứ Vô tánh để phá trừ bịnh chấp ba thứ Tự tánh trước. Có 3 phần:

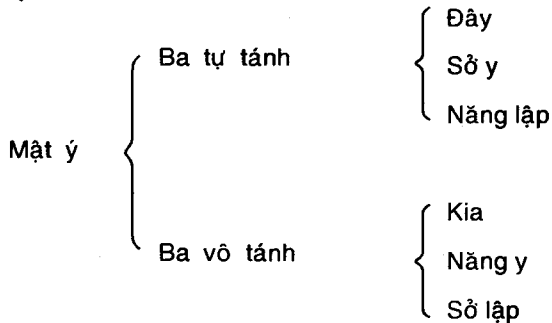
- 1) Lý do thành lập ba thứ Vô tánh (4 câu đầu).
- 2) Nói qua ba thứ Vô tánh (4 câu giữa).
- 3) Nói Thật tánh của Duy thức (4 câu cuối).

GIẢNG YẾU

Khi nghe nói ba thứ Tự tánh, thì người ta nghi ngờ rằng: “Nếu có ba thứ Tự tánh sao Đức Thế Tôn lại nói: Tất cả pháp đều không có tự tánh?”.

Bài này đáp lại ý câu hỏi trên: Ba món Vô tánh ở đây nói, cũng chỉ căn cứ trên ba món Tự tánh giả lập, nó chẳng phải là thật không, nên biết lời Đức Phật nói “Tất cả pháp đều là Vô tánh” đó chẳng qua là mật ý nói, chứ chẳng phải thật Vô tánh.

Xem lược biểu :



Sở dĩ nói ba Vô tánh là cốt để phá trừ bệnh cố chấp đối với ba Tự tánh. Nó cũng như ba phương thuốc đối trị ba thứ bệnh.

Xem lược biểu:

Ba vô tánh	{	Tướng vô tánh.....	Biến kế	}	Ba tự tánh
		Tự nhiên vô tánh.....	Y tha		
		Thắng nghĩa vô tánh.....	Viên thành		
		⏟			
		Năng trị (thuốc)	Sở trị (bệnh)		

*

* *

BÀI XIII

唯識五位

DUY THỨC NGŨ VỊ

* * *

資糧及加行位

Tư lương cập Gia hạnh vị

26) 乃至未起識

Nāi chí vị khởi thức.

求住唯識性

Câu trụ Duy thức tánh,

於二取隨眠

Ư nhị thủ tùy miên,

猶未能伏滅

Du vị năng phục diệt.

- 27) 現前立少物
Hiện tiền lập thiểu vật;
 謂是唯識性
Vị thị Duy thức tánh,
 以有所得故
Dĩ hữu sở đắc cố,
 非實住唯識
Phi thật trụ Duy Thức.

DỊCH NGHĨA

NĂM VỊ DUY THỨC

Tư lương và gia hạnh vị

26. Từ trước chưa khởi thức,
 Cầu trụ Duy thức tánh,
 Với hai thủ tùy miên,
 Vẫn chưa thể phục diệt;
27. Hiện tiền còn chút vật,
 Ấy là tánh Duy thức,
 Vì còn có sở đắc,
 Chưa thật trụ Duy thức.

CHÚ THÍCH

Chưa khởi thức : Từ trước đến giờ chưa phát khởi Thức quyết trạch, tức là chưa phát khởi Tâm Đại Bồ Đề.

Duy thức tánh : Tức là Duy thức thật tánh thuộc về phần Tâm.

Hai thủ Tùy miên : Hai thủ là Năng thủ (kiến phần) và Sở thủ (tướng phần). Tùy là tùy duyên mà khởi. Miên là miên phục. Nghĩa là ở trên Thức còn có chủng tử tập khí miên phục (nằm ngủ) trong Đệ bát A-lại-da thức, khi gặp duyên thì khởi hiện hành.

Phục diệt : Phục là chế phục; diệt là diệt trừ. Nghĩa là đối với hai thủ Tùy miên chẳng những không đoạn trừ được mà chế phục cũng chưa hoàn toàn (Chế phục: chẳng khác nào lấy đá đè lên cỏ).

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về Tư lương vị và Gia hạnh vị trong năm vị Duy thức. Bốn câu đầu nói về Tư lương vị, bốn câu kế nói về Gia hạnh vị.

GIẢNG YẾU

Từ trước đã nói về Duy thức tướng và Duy thức tánh, cốt để cho học giả hiểu rõ về phần cảnh; đến đây nói về Duy thức vị, tựu trung muốn cho học giả đem chỗ hiểu biết ra thực hành để mong cầu chứng quả.

Duy thức vị chia làm năm thứ:

- | | |
|--------------|-------------|
| 1) Tư lương | 4) Tu tập |
| 2) Gia hạnh | 5) Cứu cánh |
| 3) Thông đạt | |

Bài này nói về Tư lương và Gia hạnh.

Tư lương vị : Vị này đã tin Đại thừa thuận phần giải thoát. Đối với Duy thức tướng và Duy thức tánh sanh lòng tín giải sâu sắc. Bây giờ muốn đi đến Duy thức tánh (câu trụ Duy thức tức là câu nhập Sơ địa) cần phải có đủ Tư lương (lương thực và hành lý) nghĩa là phải tu hành Lục độ, tích tập phúc đức và trí huệ để trang bị lúc đi đường. Vị này mới phát khởi lòng Đại Bồ đề, câu trụ Duy thức tánh; nhưng vì chưa diệt trừ được hai thủ, nên chưa trụ được Duy thức.

Xem lược biểu:

Tư lương vị	{	Hai thủ tùy miên	Chưa diệt trừ
		Duy thức tánh	Chưa thể trụ

Gia hạnh vị : Vị này đã khởi tu Đại thừa, thuận phần quyết trạch (giải trạch các pháp, tức là quán Duy thức), có thể lần lần phục trừ được hai thủ, phát khởi Chơn kiến.

Ở Tư lương vị chỉ là thời kỳ chuẩn bị mà thôi. Nghĩa là muốn đi, lo sửa soạn chớ chưa đi. Còn vị này chuẩn bị đã xong, sắp khởi hành. Khi muốn bước lên Sơ địa, tức là thiết thực nhập Duy thức tánh, cần phải

gia công tu tập bốn pháp Tầm tư (Danh, Nghĩa, Tự tánh và Sai biệt), quan sát các pháp không thật có, để lần lần xa lìa hai món Năng thủ và Sở thủ.

Ở đây chia làm 4 giai đoạn. Noãn, Đảnh, Nhãn và Thế đệ nhất, gọi là Tứ gia hạnh hay Tứ thiện căn.

Tư lương vị vẫn còn cả Năng thủ và Sở thủ, Gia hạnh vị chỉ còn có Năng thủ (còn chút vật), vì thế mà tuy đã trụ Duy thức, nhưng chưa thật trụ (tợ trụ).

*

* *

BÀI XIV

通達修習及究竟位

THÔNG ĐẠT, TU TẬP CẬP CỨU CÁNH VỊ

28) 若時於所緣

Nhược thời ư Sở duyên,

智都無所得

Trí đô vô Sở đắc,

爾時住唯識

Nhĩ thời trụ Duy thức.

離二取相故

Ly Nhị thủ tướng cố,

- 29) 無 得 不 思 議
Vô đắc bất tư nghị,
- 是 出 世 間 智
Thị xuất thế gian trí,
- 捨 二 粗 重 故
Xả nhị thô trọng cố,
- 便 證 得 轉 依
Tiện chứng đắc chuyển y
- 此 即 無 漏 界
Thử tức Vô lậu giới,
- 不 思 議 善 常
Bất tư nghị, Thiện, Thường,
- 安 樂 解 脫 身
An lạc, Giải thoát thân,
- 大 牟 尼 名 法
Đại Mâu Ni danh Pháp.

DỊCH NGHĨA

THÔNG ĐẠT, TU TẬP VÀ CỨU CẢNH VỊ

* * *

28. Nếu đối cảnh Sở duyên
 Trí không còn Sở đắc
 Bảy giờ trụ Duy thức.
 Vì xa tướng Hai thủ,
29. Vô đắc không nghĩ bàn,
 Là trí xuất thế gian,
 Vì bỏ hai thô trọng.
 Nên chứng được Chuyển y
30. Đây là Vô lậu giới,
 Bát tư nghi, Thiện, Thường,
 An lạc, Giải thoát thân,
 Đại Mậu Ni là pháp

CHÚ THÍCH

Hai thô trọng : Hai là chỉ cho Phiền não chướng và Sở tri chướng. Thô trọng là tên khác của Chủng tử.

Chuyển y : Chuyển là thay đổi; Y là Y tha khởi tánh. Y tha khởi tánh có hai phần: Nhiễm và Tịnh. Chuyển bỏ phần Nhiễm, lưu lại phần Tịnh. Tức là chuyển Phiền não chướng thành Đại giải thoát, chuyển Sở tri chướng thành Đại Bồ-đề.

Vô lậu giới : Cảnh giới xuất thế gian, không còn đọa lạc sanh tử luân hồi.

Bất tư nghi : Vượt ngoài sự suy nghĩ, luận bàn.

Thiện : Hằng xa lìa pháp bất thiện, tạp nhiễm.

Thường : Suốt ngàn mé vị lai không cùng tận.

An lạc : Pháp giới thanh tịnh, không có sự phiền muộn bức bối.

Giải thoát thân : Do xa lìa Phiền não chướng mà được thân giải thoát. Đây là chỗ chứng và trụ của hàng Nhị thừa.

Đại Mâu Ni : Khi xa lìa được Sở tri chướng, chúng được Vô Thượng Bồ đề, tánh nó hoàn toàn vắng lặng nên gọi là Đại Mâu Ni (Mâu Ni: tịch diệt, tức là vắng lặng).

Pháp : Tức là Pháp thân. Vì lấy các pháp làm thân nên gọi là Pháp thân. Thân này do xa lìa hai chướng mà được hiển bày.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này tiếp bài trước, nói về năm vị Duy thức, tức là ba quả vị sau trong năm quả vị:

Bốn câu đầu: Nói về Thông đạt vị.

Bốn câu giữa: Nói về Tu tập vị.

Bốn câu sau: Nói về Cứu cánh vị.

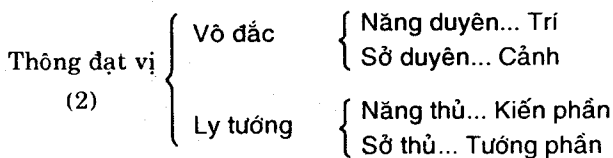
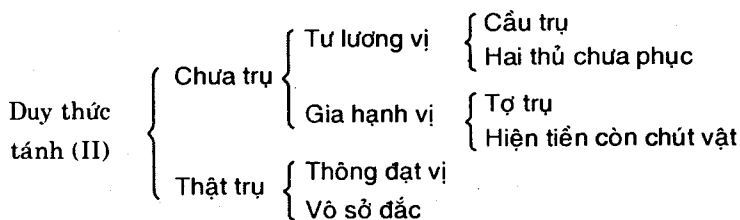
GIẢNG YẾU

Ba bài tụng này liên tiếp nói ba quả vị sau cùng trong năm quả vị.

THÔNG ĐẠT VỊ : thông đạt vị cũng gọi là Kiến đạo vị, nghĩa là các bậc Bồ Tát, thấy đạo đúng như thật, thông suốt được Duy thức tánh và Duy thức tướng. Vị này đối với Cảnh sở duyên, Quán tri rõ ràng, lúc ấy hoàn toàn không còn cảnh sở đắc và cũng không còn tướng ngã pháp, chỉ là một vị bình đẳng. Đến vị này mới thật trụ Duy thức, nhập tâm Sơ địa.

Vị này chẳng khác nào đã được thông suốt con đường mình muốn đi.

Xem lược biểu:



Ở đây chúng ta có thể đem so sánh với câu : “Vô trí diệt vô đắc” trong Bát Nhã Tâm Kinh như sau :

So với Tâm Kinh	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Năng duyên} \\ \text{Sở duyên} \end{array} \right.$	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Duy thức ... Tri vô đắc} \\ \text{Tâm kinh ... Vô trí} \end{array} \right.$
		$\left\{ \begin{array}{l} \text{Duy thức ... Thức tánh vô đắc} \\ \text{Tâm kinh ... Diệc vô đắc} \end{array} \right.$

Tu tập vị : Tức là từ trụ tâm Sơ địa đến xuất tâm Thập địa (tức là Đẳng giác), trong suốt thời gian ấy, như Chơn lý đã hiểu thông suốt chuyên tu đạo nghiệp để diệt trừ Phiền não chướng và Sở tri chướng. Vị này còn gọi là Tu đạo vị.

Ở vị Thông đạt, tuy đã thông hiểu giáo lý, nhưng chưa tu tập (thật hành), nên mới chỉ được Vô đắc trí thể, chứ chưa thấy được phần diệu dụng nên còn thấy có cái dụng Bất tư nghi, trí còn có Sở đắc, vì vậy mà chưa được Xuất thế gian. Đến vị Tu tập này mới phát khởi Vô đắc trí dụng nên được gọi là Xuất thế gian trí.

Xem lược biểu :

Vô đắc	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Thông đạt vị} \\ \text{Tu tập vị} \end{array} \right.$	Không cảnh trí (thể)
		Bất tư nghi (dụng)

Ở vị Thông đạt chỉ lìa được phần hiện hành của Phiền não chướng và Sở tri chướng, đến Tu tập vị mới bỏ được phần chủng tử của nó, nên chứng được hai quả Chuyển y.

Hai quả Chuyển y là: chuyển Phiền não chướng thành Đại giải thoát và chuyển Sở tri chướng thành Đại Bồ-đề.

Vị này thí như người lữ hành đang đi trên con đường thiên lý.

Xem lược biểu (I) và (II) :

Xa bò (I)	{	Thông đạt vị ...	Xa hai thủ (hiện hành)	
		Tu tập vị ...	Bò Thô trọng (chủng tử)	
Tu tập vị (II)	{	Y... Y tha khởi	{ Phần tịnh Phần nhiễm	
		Chuyển {	Bò hai Thô trọng	{ Chủng tử Phiền não Chủng tử Sở tri
			Được hai quả	{ Đại Niết-bàn Đại Bồ-đề

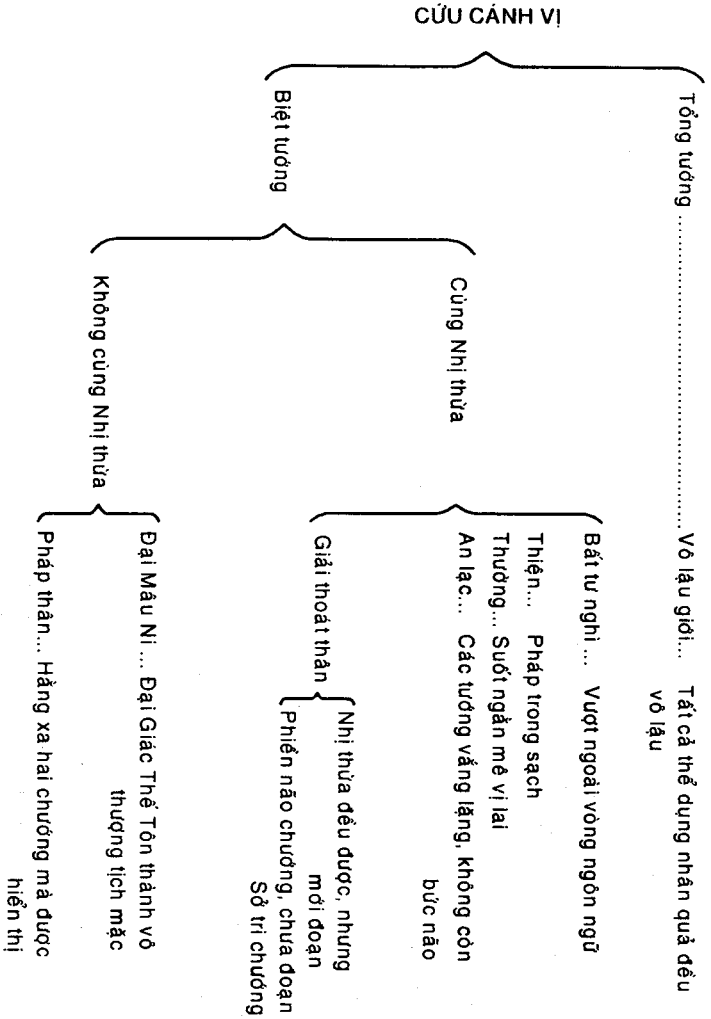
Cứu cánh vị : Đây là quả vị cùng cực trong tất cả thiện vị. Vị này đã hoàn toàn được hai quả Chuyển y ở trước, chính là Giới vô lậu thanh tịnh.

Vô lậu giới là Tổng tướng, còn sáu thứ sau là: Bất tư nghi, Thiện, Thường, An lạc, Giải thoát thân và Đại Mâu-ni là Biệt tướng của Pháp thân, chứ không riêng chỉ Giải thoát thân mới gọi là Pháp thân.

Quả vị này còn gọi là Vô Thượng Bồ-đề hay Kim Cang đạo hậu, tức là Phật vị vậy.

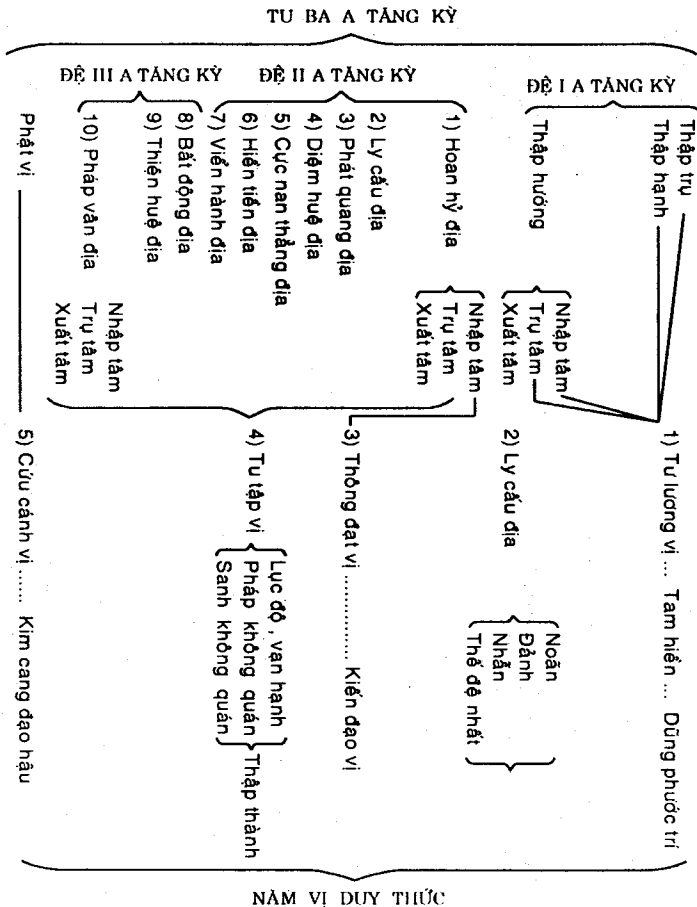
Quả vị Cứu cánh này tử cũng như người đi đường đã đến nơi đến chốn rồi, không cần phải đi nữa vậy.

Xem lược biểu:



Năm quả vị Duy thức trên, chúng ta cũng cần nên biết qua người tu hành phải đi trong khoảng thời gian nào mới viên mãn. Ấy là một điều mà người học Phật không thể không biết, nhưng thời gian ấy không phải là cố định, như trường hợp của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát.

Xem lược biểu:



TỔNG LUẬN

Toàn bộ Luận Duy thức này gồm có 30 bài tụng thuyết minh, có 3 phần:

1) **Duy thức cảnh** : Gồm có 25 bài, 19 bài đầu nói về Duy thức tướng, 6 bài kể nói về Duy thức tánh.

2) **Duy thức hạnh** : Gồm có 4 bài (từ bài 26 đến bài 29).

3) **Duy thức quả** : Chỉ có 1 bài sau cùng.

Xem lược biểu.

30 bài Tụng Duy thức	}	Cảnh	{	Duy thức tướng - do giả thuyết ngã pháp..	19 bài	} Duy thức vị
				Duy thức tánh - Do bỉ bỉ Biến kế... 6 bài		
			}	Hạnh - Nãi chí vị khởi thức ... 4 bài		
	Quả - Thử tức Vô lậu giới 1 bài					

Nếu đứng về phương diện phổ thông, để các học giả nghiên cứu, thì chỉ quan trọng về Duy thức cảnh mà thôi, nhưng vì phương tiện muốn đưa người đi lần đến chỗ Thù thắng của Duy thức là Hạnh và Quả, vì thế mà Hạnh, Quả rất quan thiết.

Có nhiều học giả, ban đầu chỉ nghiên cứu nghĩa lý của Duy thức, nhưng về sau lần lần muốn thật hành và rồi lại nghĩ đến chỗ chứng quả.

Có những người thiết tâm học Phật, thì họ lại rất chú trọng về phần Hạnh và Quả. Nhưng nếu không thuyết minh về phần Cảnh tượng, thì Hạnh từ đâu mà phát khởi, Quả do đâu mà chứng ngộ?

Thế nên Hạnh, Quả thí như việc qua sông, còn Cảnh tượng chẳng khác nào chiếc đò, nếu không có đò thì không thể qua sông được. Vì thế, người thiết tâm học Phật, khi học xong Duy thức, ví như đã sang sông rồi, không còn dùng đò nữa. Do đó, Cổ nhơn bảo rằng: “Khi Hạnh khởi thì Giải tuyệt” là vậy.

Tuy nhiên, khi đến bờ bên kia rồi, tự mình không còn dùng đò nữa, nhưng phải để lại cho kẻ khác chưa qua được dùng. Vì lẽ ấy, người học Duy thức rồi, cần phải đem mà truyền lại cho người chưa học để lưu truyền trong đời mãi mãi không dứt.

Dịch xong

tại Phật Học Viện PHƯỚC HÒA, Vĩnh Bình
Mạnh Hạ, ngày 29 tháng 5 năm Nhâm Dần
(ngày 28 tháng 6 năm 1962)

MỤC LỤC

1. KINH THẬP THIỆN

<i>Lời Dịch Giả</i>	07
<i>Lời Nói Đầu</i>	11
A. PHẦN CHỨNG TÍN (tự phần)	21
B. CHÁNH THUYẾT (chánh tôn)	25
I. NGHIỆP QUẢ THẾ GIAN XUẤT THẾ GIAN	25
1. Từ nơi nhân mà nói quả.....	25
2. Từ nơi quả mà nói nhân.....	25
3. Nói rõ về tướng của nhân	29
4. Dem tướng của nghiệp quả để chứng minh.....	33
5. Khuyên tu học.....	36
II. CHÁNH THUYẾT MINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO	40
1. Hiến bày công dụng của thiện pháp.....	40
2. Giải thích tên thiện pháp	41
3. Trình bày hành tướng thiện pháp.....	44
III. CÔNG ĐỨC CỦA MƯỜI THIỆN NGHIỆP	51
1. Công đức xa lìa nghiệp sát	51
2. Công đức xa lìa trộm cắp	55
3. Công đức xa lìa tà hạnh	58

4. Công đức xa lìa vọng ngữ	61
5. Công đức xa lìa nghiệp hai lưỡi	64
6. Công đức xa lìa nghiệp ác khẩu	67
7. Công đức xa lìa ý ngữ	70
8. Công đức xa lìa tham dục	73
9. Công đức xa lìa sân khuể	76
10. Thuyết minh công đức xa lìa tà kiến	79

IV. THẮNG HẠNH CỦA MƯỜI THIÊN NGHIỆP..... 84

1. Nói về lục độ	84
a) Nói rộng về bố thí độ	84
b) Lược nói năm độ sau	91
2. Các hạnh khác	93
3. Tổng kết	98

V. THUYẾT MINH SỰ THÙ THẮNG CỦA THẬP THIÊN NGHIỆP..... 107

C. PHẦN LƯU THÔNG..... 108	
PHẦN DỊCH ÂM	110

2. KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG

<i>Bức Thư Thay Lời tựa</i>	127
<i>Lời Nói Đầu</i>	129
A. PHẦN TỔNG KHỞI	133
B. PHẦN CHÁNH THUYẾT	141
I. HẠNH QUẢ CỦA TAM THỪA CỘNG GIÁO	141
1. Chứng quả xuất thế	141
2. Tu hạnh xuất gia	149
II. THÔNG NGHĨA THIÊN ÁC CỦA NGŨ THỪA	160
III. THẮNG HẠNH BẤT CỘNG CỦA ĐẠI THỪA	169
1. Lập Tín nguyện	169
2. Tu lục độ	169
a) Bố thí độ	169
b) Trì giới độ	183
c) Nhẫn nhục độ	189
d) Thiên định độ	192
e) Bát nhã độ	200
1/ Căn bản trí	200
2/ Hậu đắc trí	200
3/ Gia hạnh trí	212
a) Quán vô thường là thường	212
b) Quán vô ngã như huyễn	212

c) <i>Quán ngữ dục</i>	221
d) <i>Trách về sắc dục</i>	225
f) Tinh tấn độ	231
1) Mặc giáp tinh tấn	231
a) <i>Hạnh mặc giáp tinh tấn</i>	231
b) <i>Tướng mặc giáp tinh tấn</i>	244
2) Nhiếp thiện tinh tấn	247
3) Lợi lạc tinh tấn	254
3) Giới thừa là cần kíp	258
IV. TÍN GIÁO, HIỂU LÝ VÀ TU HẠNH	262
1) Tín giáo	262
2) Hiểu lý	263
3) Tu hạnh	263
C. PHẦN TỔNG KẾT	269
PHẦN DỊCH ÂM	274

3. KINH DI GIÁO

<i>Lời Nói Đầu</i>	291
I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH	291
II. LỊCH SỬ DỊCH GIẢ	294
A. PHẦN TỰA	296
B. PHẦN CHÁNH TÔN	304
I. PHÁP YẾU CHUNG	304
1) Đối trị tà nghiệp	304
a) Căn bản thanh tịnh	304
b) Phương tiện thanh tịnh	304
c) Công đức trì giới	311
d) Lợi ích của giới	311
2) Đối trị khổ vọng	315
a) Khổ do Căn và Dục buồng lung	315
- Khổ do Căn buồng lung	315
- Khổ do Dục buồng lung	320
b) Khổ về tham cầu ăn uống	320
c) Khổ về biếng nhác và ngủ nghỉ	326
3) Đối trị phiền não	332
a) Đối trị giận dữ	332
b) Đối trị kiêu mạn	337
c) Đối trị dua nịnh	338

II. PHÁP YẾU RIÊNG	345
1) Thiệu dục.....	345
2) Tri túc	345
3) Xa bỏ	352
4) Siêng năng	353
5) Không quên chánh niệm	358
6) Thiền định	359
7) Trí huệ.....	365
8) Không hý luận	365
C. PHẦN LƯU THÔNG	370
1) Siêng tu.....	370
2) Chứng quyết	374
3) Đoạn nghi.....	380
a) Trình bày các nghi.....	380
b) Dứt các nghi.....	380
c) Khuyến tu hành	387
4) Lời dặn lưu thông	388
PHẦN DỊCH ÂM	390

4. CẢNH SÁCH

<i>Lời Giới Thiệu</i>	405
<i>Lời Nói Đầu</i>	407
BÀI I	410
BÀI II	413
BÀI III.....	415
BÀI IV.....	418
BÀI V	422
BÀI VI.....	425
BÀI VII.....	428
BÀI VIII.....	432
BÀI IX.....	437
BÀI X	440
BÀI XI.....	444
BÀI XII.....	447
BÀI XIII.....	450
BÀI XIV	453
BÀI XV	457
BÀI XVI.....	461
BÀI XVII	465
BÀI XVIII.....	468
BÀI XIX.....	471
BÀI XX.....	475
BÀI XXI	478
BÀI XXII.....	481
BÀI XXIII	485
BÀI XXIV	489
PHẦN DỊCH ÂM	492
Phần phụ trang : SÁM QUY MẠNG	502
QUY MẠNG DIỄN NGHĨA.....	507

5. DUY THỨC TAM THẬP TỤNG

<i>Tiểu sử tác giả</i>	515
BÀI I	517
BÀI II	519
BÀI III	522
BÀI IV	525
BÀI V	532
BÀI VI	539
BÀI VII	543
BÀI VIII	549
BÀI IX	553
BÀI X	557
BÀI XI	567
BÀI XII	573
BÀI XIII	578
BÀI XIV	583
TỔNG LUẬN	592